

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN  
TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ XÃ BÌNH CHƯƠNG



**BÁO CÁO**  
TỰ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG  
VÀ TRƯỜNG ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA



BÌNH CHƯƠNG, THÁNG 09/2022

UBND HUYỆN BÌNH SƠN  
TRƯỜNG TH&THCS BÌNH CHƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-TH&THCS

Bình Chương, ngày 10 tháng 01 năm 2022

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá Kiểm định chất lượng và Trường đạt chuẩn Quốc gia

#### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TH&THCS XÃ BÌNH CHƯƠNG

Căn cứ Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Công văn số 574/SGDĐT-GDTrH ngày 26 tháng 4 năm 2019 của Sở GD&ĐT Quảng Ngãi, Công văn số 456/PGD&ĐT ngày 10 tháng 5 năm 2019 của Phòng GD&ĐT Bình Sơn hướng dẫn về hồ sơ đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025;

Xét năng lực và phẩm chất của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường.

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Thành lập Hội đồng tự đánh giá kiểm định chất lượng và Trường đạt chuẩn Quốc gia của Trường Tiểu học và THCS xã Bình Chương gồm các ông (bà) có tên trong danh sách kèm theo.

Giúp việc cho Hội đồng có nhóm thư ký và các nhóm công tác gồm các ông (bà) có tên trong danh sách kèm theo.

**Điều 2.** Hội đồng tự đánh giá có nhiệm vụ triển khai công tác tự đánh giá trường Tiểu học và THCS xã Bình Chương theo các quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

**Điều 3.** Các ông (bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

#### Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Phòng GD&ĐT Bình Sơn (để b/c);
- Lưu: VT.



HIỆU TRƯỞNG

Lê Văn Huy

## DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

(Kèm theo Quyết định số *148* ngày 10 tháng 01 năm 2022  
của Hiệu trưởng trường Tiểu học và THCS xã Bình Chương).

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Lê Văn Huy	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng	
2	Võ Hoàng Chương	P. Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng	
3	Phạm Thị Thu Hồng	P. Hiệu trưởng	Thư ký Hội đồng	
4	Võ Thị Diễm	BTCĐ	Ủy viên Hội đồng	
5	Huỳnh Thị Thương	CTCĐ	Ủy viên Hội đồng	
6	Võ Thị Thành	TT Tổ KHTN	Ủy viên Hội đồng	
7	Vũ Anh Thuận	TT Tổ KHXH	Ủy viên Hội đồng	
8	Huỳnh Thị Tiên	TT Tổ 4,5	Ủy viên Hội đồng	
9	Đỗ Thị Thu Mận	TT Tổ 1,2,3	Ủy viên Hội đồng	
10	Huỳnh Thị Kim Thủy	Nhân viên Văn thư	Ủy viên Hội đồng	
11	Phạm Thị Xuân Ba	Nhân viên kế toán	Ủy viên Hội đồng	

## DANH SÁCH THÀNH VIÊN NHÓM THƯ KÝ

(Kèm theo Quyết định số **102-TH/THCS** ngày 10 tháng 01 năm 2022  
của Hiệu trưởng Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Bình Chương & THCS Bình Chương).

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
01	Phạm Thị Thu Hồng	Phó hiệu trưởng	Trưởng nhóm
02	Võ Thị Quỳnh Thoa	Tổ phó tổ KHXH	Thành viên
03	Nguyễn Thị Thùy Chung	Giáo viên	Thành viên
04	Nguyễn Thị Xuân Hội	Giáo viên	Thành viên
05	Mai Thị Thanh Thủy	Tổ trưởng tổ 4,5	Thành viên
06	Huỳnh Thị Hải	Giáo viên	Thành viên

## DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC

(Kèm theo Quyết định số /QĐ/TH&THCS ngày 10 tháng 01 năm 2022  
của Hiệu trưởng Trường TH&THCS Bình Chương).



Tiêu chuẩn	Nhóm	Người phụ trách	Chức vụ	Ghi chú
<b>Tiêu chuẩn 1:</b> Tổ chức và quản lý nhà trường	1	Phạm Thị Mỹ Thảo	Giáo viên	Nh.trưởng
		Nguyễn Thị Hòa	Giáo viên	
		Mai Sang Thu	Giáo viên	
		Lê Thị Thu Hằng	Giáo viên	
		Võ Thị Thúy Vân	Giáo viên	Thư ký
<b>Tiêu chuẩn 2:</b> Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh	2	Vũ Anh Thuận	TT tổ KHXH	Nh.trưởng
		Phạm Thị Yên Linh	Giáo viên	
		Võ Thị Quỳnh Thoa	TP tổ KHXH	Thư ký
		Võ Thị Thanh My	TP tổ 4,5	
<b>Tiêu chuẩn 3:</b> Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	3	Huỳnh Thị Tiên	Giáo viên	Nh.trưởng
		Phạm Thị Xuân Ba	Nhân viên KT	
		Võ Thị Diễm	Nhân viên TV-TB	
		Nguyễn Thị Thuỳ Chung	Giáo viên	Thư ký
<b>Tiêu chuẩn 4:</b> Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	4	Đỗ Thị Thu Mận	TT tổ 1,2,3	Nh.trưởng
		Huỳnh Thị Hải	Giáo viên	
		Ngô Nhật Nam	Giáo viên	
		Nguyễn Thị Xuân Hội	TP tổ 1,2,3	Thư ký
<b>Tiêu chuẩn 5:</b> Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục	5	Võ Thị Thành	TT tổ KHTN	Nh.trưởng
		Nguyễn Thị Kim Dung	Giáo viên	
		Võ Thị Thu Hà	Giáo viên	
		Nguyễn Thị Thu Phương	TP tổ KHTN	Thư ký

UBND HUYỆN BÌNH SƠN  
TRƯỜNG TH&THCS BÌNH CHƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TT-TH&THCS

Bình Chương, ngày 13 tháng 09 năm 2022

## TỜ TRÌNH

### Về việc đăng ký đánh giá ngoài về Kiểm định chất lượng và Trường đạt chuẩn Quốc gia

**\*Kính gửi:** - Sở GD&ĐT tỉnh Quảng Ngãi.  
- Phòng GD&ĐT huyện Bình Sơn.

Căn cứ Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Công văn số 574/SGDĐT-GDTrH ngày 26 tháng 4 năm 2019 của Sở GD&ĐT Quảng Ngãi, Công văn số 456/PGD&ĐT ngày 10 tháng 5 năm 2019 của Phòng GD&ĐT Bình Sơn về việc hướng dẫn về hồ sơ đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025;

Trường Tiểu học và THCS xã Bình Chương đã tổ chức tự đánh giá về Kiểm định chất lượng và Trường đạt chuẩn Quốc gia.

*Kết quả: + Kiểm định chất lượng: Đạt mức 2;  
+ Trường đạt chuẩn Quốc gia: Đạt mức 1.*

Vậy nay Trường Tiểu học và THCS xã Bình Chương lập tờ trình kính trình quý cấp đăng ký được đánh giá ngoài theo đúng quy định.

**Nơi nhận:**  
- Như trên;  
- Lưu: VT.



**Lê Văn Huy**

## MỤC LỤC

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá	2
Danh sách các thành viên Hội đồng	3
Danh sách thành viên nhóm Thư ký	4
Danh sách thành viên các nhóm công tác	5
Tờ trình đăng ký đánh giá ngoài	6
Mục lục	7-8
Danh mục chữ viết tắt	9
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	10-11
<b>Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU</b>	12-17
<b>Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ</b>	17-71
<b>A. ĐẶT VẤN ĐỀ</b>	17-19
<b>B. TỰ ĐÁNH GIÁ</b>	19-71
<b>Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường</b>	19-36
<i>Mở đầu</i>	19-20
Tiêu chí 1.1: Xây dựng chiến lược phát triển nhà trường	20-21
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác	21-22
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh, các tổ chức xã hội khác và các hội đồng hoạt động theo quy định của Điều lệ trường trung học và quy định của pháp luật.	23-24
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	24-26
Tiêu chí 1.5: Lớp học	26-27
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	27-29
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	29-30
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	30-32
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	32-33
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự trường học	33-36
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	36
<b>Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh</b>	36-43
<i>Mở đầu</i>	36
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	36-38
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	38-40
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	40-41
Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh	41-43
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	43
<b>Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học</b>	43-54

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
<b>Mở đầu</b>	43
Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập	43-45
Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	45-46
Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị	47-48
Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	48-50
Tiêu chí 3.5: Thiết bị	50-52
Tiêu chí 3.6: Thư viện	52-54
<b>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</b>	54
<b>Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội</b>	54-59
<b>Mở đầu</b>	54
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh.	54-56
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường.	56-59
<b>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</b>	59
<b>Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục</b>	59-70
<b>Mở đầu</b>	59
Tiêu chí 5.1: Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông	59-61
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện	61-63
Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định.	63-64
Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp.	64-65
Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh.	65-67
Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục.	67-70
<b>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</b>	70
Tự đánh giá các tiêu chí mức 4	70-71
<b>Phần III. KẾT LUẬN CHUNG</b>	72
<b>Phần IV. PHỤ LỤC DANH MỤC MÃ MINH CHỨNG</b>	73-120



## DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Chữ viết tắt	Nội dung
1	BCH	Ban Chấp hành
2	BDD	Ban đại diện
3	CBGV	Cán bộ, giáo viên
4	CĐCS	Công đoàn cơ sở
5	CM	Chuyên môn
6	CMHS	Cha mẹ học sinh
7	CNTT	Công nghệ thông tin
8	GD&ĐT	Giáo dục & Đào tạo
9	GV	Giáo viên
10	HĐKL	Hội đồng kỷ luật
11	HĐSP	Hội đồng sư phạm
12	HĐTĐG	Hội đồng tự đánh giá
13	HKPD	Hội khỏe Phù Đổng.
14	HS	Học sinh
15	HT	Hiệu trưởng
16	P.HT	Phó Hiệu trưởng
17	PCGD	Phổ cập giáo dục
18	QLCL	Quản lý chất lượng
19	TĐG	Tự đánh giá
20	TDTT	Thể dục thể thao.
21	THCS	Trung học cơ sở
22	TNTP	Thiếu niên tiên phong
23	TTCM	Tổ trưởng chuyên môn
24	UBND	Ủy ban nhân dân

## TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

### 1. Kết quả đánh giá.

(Đánh dấu (x) vào ô kết quả tương ứng Đạt hoặc Không đạt)

#### 1.1. Đánh giá tiêu chí mức 1, 2 và 3.

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
<b>Tiêu chuẩn 1</b>				
Tiêu chí 1.1		x	x	x
Tiêu chí 1.2		x	x	
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x	x	
Tiêu chí 1.6		x	x	x
Tiêu chí 1.7		x	x	
Tiêu chí 1.8		x	x	
Tiêu chí 1.9		x	x	
Tiêu chí 1.10		x	x	
<b>Tiêu chuẩn 2</b>				
Tiêu chí 2.1		x	x	
Tiêu chí 2.2		x	x	
Tiêu chí 2.3		x	x	x
Tiêu chí 2.4		x	x	
<b>Tiêu chuẩn 3</b>				
Tiêu chí 3.1		x	x	
Tiêu chí 3.2		x	x	
Tiêu chí 3.3		x	x	
Tiêu chí 3.4		x	x	
Tiêu chí 3.5		x	x	
Tiêu chí 3.6		x	x	
<b>Tiêu chuẩn 4</b>				
Tiêu chí 4.1		x	x	x
Tiêu chí 4.2		x	x	
<b>Tiêu chuẩn 5</b>				
Tiêu chí 5.1		x	x	x
Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	
Tiêu chí 5.4		x	x	
Tiêu chí 5.5		x	x	x

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chí 5.6		x	x	

**Kết quả: Đạt mức 2**

**1.2. Đánh giá tiêu chí mức 4.**

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Khoản 1, Điều 22		x	
Khoản 2, Điều 22		x	
Khoản 3, Điều 22		x	
Khoản 4, Điều 22		x	
Khoản 5, Điều 22		x	
Khoản 6, Điều 22		x	

**Kết quả: Không đạt**

**2. Kết luận: Trường đạt mức 2**

**Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU**Tên trường: **TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ THCS XÃ BÌNH CHƯƠNG**Cơ quan chủ quản: **ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN**

Tỉnh	Quảng Ngãi	Họ và tên hiệu trưởng	Lê Văn Huy
Huyện	Bình Sơn	Điện thoại	0945562103
Xã	Bình Chương	Fax	
Đạt chuẩn quốc gia		Website	<a href="http://c12binhchuongbs.quangngai.edu.vn">http://c12binhchuongbs.quangngai.edu.vn</a>
Năm thành lập trường	2019	Số điểm trường	3
Công lập	Công lập	Loại hình khác	
Tư thục		Thuộc vùng khó khăn	
Trường chuyên biệt		Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	
Trường liên kết với nước ngoài			

**1. Số lớp học.**

Số lớp	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023
Khối lớp 1	4	3	3	3	3
Khối lớp 2	4	3	3	3	3
Khối lớp 3	4	3	3	3	3
Khối lớp 4	4	3	3	3	3
Khối lớp 5	4	3	3	3	3
Khối lớp 6	2	2	2	2	2
Khối lớp 7	2	2	2	2	2
Khối lớp 8	2	2	2	2	2
Khối lớp 9	2	2	2	2	2
<b>Cộng</b>	<b>28</b>	<b>23</b>	<b>23</b>	<b>23</b>	<b>23</b>

**2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường.**

TT	Số liệu	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Phòng học, phòng học</b>	<b>34</b>	<b>26</b>	<b>26</b>	<b>29</b>	<b>32</b>	

TT	Số liệu	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Ghi chú
	<b>bộ môn và khôi phục vụ học tập</b>						
<b>1</b>	<b>Phòng học</b>	<b>28</b>	<b>23</b>	<b>23</b>	<b>23</b>	<b>23</b>	
A	Phòng kiên cố	20	8	8	8	13	- An Điền 1 : 5 - An Điền 2 : 8
B	Phòng bán kiên cố	8	15	10	10	10	- An Điền 1 : 5 - Ngọc Trì : 5
C	Phòng tạm			5 (mượn UB xã)	5 (mượn UB xã)	0	
<b>2</b>	<b>Phòng học bộ môn</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>5</b>	<b>6</b>	
A	Phòng kiên cố		0	0	4	5	- Tin: 1 (AĐ2) - GDNT: 2 (AĐ1 và AĐ2) - KHTN: 1 (AĐ2) - T Anh: 1 (AĐ2)
B	Phòng bán kiên cố	3	2	2	1	1	-Tin: 1 (N Trì)
C	Phòng tạm						
<b>3</b>	<b>Khôi phục vụ học tập</b>	<b>8</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>3</b>	
A	Phòng kiên cố						
B	Phòng bán kiên cố	3	1	1	1	3	- Truyền Thống + Đội :1 - Chuẩn bị đồ dùng :2
C	Phòng tạm					0	
<b>II</b>	<b>Khối hành chính - quản trị</b>	<b>19</b>	<b>9</b>	<b>9</b>	<b>12</b>	<b>18</b>	
1	Phòng kiên cố					8	- HT: 1 - PHT: 1 - Họp: 1 - WC: 5

TT	Số liệu	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Ghi chú
	Phòng bán kiên cố	19	9	9	12	10	- PHT: 1 - VP: 1 - Y tế - TTr: 1 - Tổ c/m: 4 - CD+Tur vấn: 1 - Nhà nghỉ GV: 2
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
<b>III</b>	<b>Thư viện</b>	<b>3</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	
<b>IV</b>	<b>Các công trình, khối phòng chức năng khác.</b>	<b>10</b>	<b>7</b>	<b>7</b>	<b>8</b>	<b>8</b>	
1	Khu WC HS	5	4	4	4	4	- An Điền 1 :1 - An Điền 2 :2 - Ngọc Trì :1
2	Hồ bơi				1	1	- An Điền 2 :1
3	Nhà xe học sinh	5	3	3	3	3	- An Điền 1 :1 - An Điền 2 :1 - Ngọc Trì :1
	<b>Cộng</b>	<b>62</b>	<b>43</b>	<b>43</b>	<b>50</b>	<b>59</b>	

### 3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.

#### a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá:

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Đạt chuẩn	Trên chuẩn	Chưa đạt chuẩn	
Hiệu trưởng	1			1	1		
P.Hiệu trưởng	2	1		2	2		
Giáo viên	40	34		40	35		4 GV đang học nâng chuẩn 1GV sắp về hưu
Nhân viên	3	3		3	1		VT và TV
<b>Cộng</b>	<b>46</b>	<b>38</b>	<b>0</b>	<b>46</b>	<b>39</b>	<b>0</b>	

#### b) Số liệu của 5 năm gần đây:

	Năm học	Năm học	Năm học	Năm học	Năm học
--	---------	---------	---------	---------	---------

	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
Tổng số giáo viên	51	41	40	41	40
Tỷ lệ giáo viên /lớp	1.82	1.78	1.74	1.78	1.74
Tỷ lệ giáo viên /học sinh	0.077	0.064	0.062	0.059	0.055
Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện và tương đương	29	24	24	32	32
Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên	10	10	11	11	11

#### 4. Học sinh.

##### a) Số liệu chung.

	Năm học 2018- 2019	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023
<b>Tổng số</b>	<b>662</b>	<b>640</b>	<b>649</b>	<b>685</b>	<b>718</b>
- Khối lớp 1	82	79	91	100	91
- Khối lớp 2	74	80	72	93	97
- Khối lớp 3	66	76	81	74	91
- Khối lớp 4	88	66	77	83	73
- Khối lớp 5	79	77	65	79	82
- Khối lớp 6	51	72	69	64	82
- Khối lớp 7	69	52	73	70	64
- Khối lớp 8	71	67	53	72	66
- Khối lớp 9	82	71	68	50	72
Nữ	311	320	326	342	361
Dân tộc	0	0	0	0	0
Đối tượng hưởng chính sách	21	14	10	34	24
Khuyết tật	4	3	4	7	8
Tuyển mới	133	151	160	164	172
Lưu ban	0	5 (TH)	1(TH)	3(TH)	

	<b>Năm học 2018- 2019</b>	<b>Năm học 2019- 2020</b>	<b>Năm học 2020- 2021</b>	<b>Năm học 2021- 2022</b>	<b>Năm học 2022- 2023</b>
Bỏ học	0	0	0	0	0
Học 2 buổi/ngày	389	378	386	429	277
Bán trú	0	0	0	0	0
Nội trú	0	0	0	0	0
Tỷ lệ bình quân học sinh/lớp	23,64	27,83	28,22	29,78	31.2
Tỷ lệ đi học đúng độ tuổi	100%	100%	100%	100%	100%
- Nữ	100%	100%	100%	100%	100%
- Dân tộc	0	0	0	0	0
Tổng số học sinh tốt nghiệp THCS	82/82	71/71	67/67	50/50	72
- Nữ	36	34	24	21	40
- Dân tộc	0	0	0	0	0
Tổng số học sinh giỏi cấp huyện	43	19	25	21	6
Tổng số học sinh giỏi cấp tỉnh	6	0	3	2	0
Tổng số học sinh giỏi quốc gia	0	0	0	0	0

**b) Kết quả giáo dục.**

<b>Số liệu</b>	<b>Năm học 2018- 2019</b>	<b>Năm học 2019- 2020</b>	<b>Năm học 2020- 2021</b>	<b>Năm học 2021- 2022</b>	<b>Năm học 2022- 2023</b>	<b>Ghi chú</b>
Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi	57	59	60	50	0	
Tỷ lệ học sinh xếp loại khá	103	94	79	98	0	
Tỷ lệ học sinh xếp loại Tb	106	97	113	98	0	



Số liệu	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Ghi chú
Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém	7	12	10	10	0	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt	210	184	179	195	0	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá	50	67	67	52	0	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình	13	11	17	9	0	
Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS	100%	100%	100%	100%		
Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học	389/389 (100%)	373/378 (98.7%)	385/386 (99.7%)	426/429 (99.3%)		<b>ĐỐI VỚI CẤP TIỂU HỌC</b>
- Nữ	193/193 (100%)	194/198 (97.98%)	200/201 (99.5%)	214/214 (100%)		
- Dân tộc	0	0	0	0		
Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	100%	100%	100%	100%	0	
Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	100%	100%	100%	100%	0	
Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1	100%	100%	100%	100%	100%	

## **Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ**

### **A. ĐẶT VẤN ĐỀ**

Trường Tiểu học và THCS xã Bình Chương được thành lập vào ngày 01/7/2019 trên cơ sở sáp nhập các Trường Tiểu học số 1, số 2 xã Bình Chương và Trường THCS xã Bình Chương. Trường Tiểu học và THCS xã Bình Chương thuộc xã Bình Chương, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, một xã nằm ở phía Tây – Nam huyện Bình Sơn, phía Đông giáp xã Bình Long, phía Tây giáp xã Bình Mỹ, phía Nam giáp xã Tịnh Trà huyện Sơn Tịnh, phía Bắc giáp sông Trà Bồng; cách trung tâm huyện lỵ khoảng 7Km, với diện tích tự nhiên 1843,49km<sup>2</sup> và là xã có địa hình trải dài, hẹp chạy dọc theo tả ngạn sông Trà Bồng và Quốc lộ 622 (Trà My – Dung Quất).

Khi mới thành lập, Trường có 6 điểm trường được tọa lạc ở 4 thôn của xã, thôn Ngọc Trì có một điểm trường, thôn An Điền 1 có hai điểm trường (*điểm trường An Điền 1 và điểm trường Gò Sơn*), thôn An Điền 2 có hai điểm trường (*điểm trường THCS và điểm trường Đồng Lớn*) và thôn Nam Thuận có một điểm trường, tuy nhiên điểm trường Nam Thuận, điểm trường Gò Sơn và điểm trường Đồng Lớn không tổ chức giảng dạy, nhà trường đã tiến hành bàn giao cho UBND xã quản lý từ ngày 19 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định số 2362/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2021 của Chủ tịch UBND huyện Bình Sơn. Từ lúc sáp nhập đến nay, Trường vẫn có 23 lớp, trong đó cấp THCS có 8 lớp, mỗi khối có 2 lớp, học tại điểm trường An Điền 2; cấp TH có 15 lớp, mỗi khối có 3 lớp, 5 lớp học tại điểm trường Ngọc Trì, 10 lớp học tại điểm trường An Điền 1 với 46 cán bộ, giáo viên, nhân viên được chia làm 4 tổ chuyên môn (*tổ Khoa học tự nhiên, tổ Khoa học xã hội, tổ 1+2+3, tổ 4+5*) và 1 tổ Văn phòng.

Trong những năm qua, Trường TH&THCS xã Bình Chương đã từng bước khẳng định chất lượng của mình trong toàn huyện. Nhà trường có đội ngũ giáo viên tương đối đồng đều về chuyên môn, nghiệp vụ. Trường có nhiều cán bộ, giáo viên, nhân viên được công nhận danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, là giáo viên cốt cán của phòng GD&ĐT huyện và của Sở GD&ĐT Quảng Ngãi. Qua các hội thi giáo viên dạy giỏi các cấp, trường đều có giáo viên tham gia và đạt thành tích. Từ năm 2019 đến nay, hằng năm trường đều có học sinh đạt giải cấp huyện về các môn học văn hoá và đạt giải văn nghệ, TDTT. Tỷ lệ học sinh của trường tốt nghiệp THCS, hoàn thành chương trình tiểu học hằng năm luôn đạt 100%. Chất lượng đại trà luôn giữ vững.

Năm học 2022-2023 trường có 46 CB-GV-NV, trong đó có 3 lãnh đạo, 3 nhân viên và 40 giáo viên trực tiếp giảng dạy. Tất cả giáo viên đều đạt trình độ chuẩn, trong đó có 36 giáo viên đạt trình độ đại học, 1 giáo viên đạt trình độ Thạc sĩ. Trường có chi bộ Đảng với 21 đảng viên, hằng năm Chi bộ luôn đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ. Tổ chức Công đoàn, Chi đoàn, Đội TNTP Hồ Chí Minh; Hội Khuyến học, Hội Chữ thập đỏ, Ban đại diện cha mẹ học sinh đều hoạt động tích cực góp phần cùng nhà trường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ từng năm học.

Với sự phấn đấu vươn lên không ngừng của tập thể CBGVNV trong nhà trường, trong năm học 2021-2022 Trường có 3 giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi cấp huyện, 2 giáo viên đạt giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cấp huyện, Trường được công nhận tập thể lao động tiên tiến, Công đoàn trường được Liên đoàn lao động tặng bằng khen..

Theo thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ GD&ĐT và Hướng dẫn số 8987/BGDĐT-KTKĐCLGD về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên, nhà trường đã xác định rõ mục tiêu và ý nghĩa của công việc. Qua công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng, nhà trường thấy được thực trạng, điểm mạnh, điểm yếu của trường, xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn để từ đó từng bước phấn đấu, có biện pháp cải tiến chất lượng nâng cao hiệu quả giáo dục về mọi mặt.

Quá trình tự đánh giá đã được thực hiện đúng hướng dẫn, đảm bảo tính dân chủ, khách quan, công khai và khoa học. Trong quá trình tự đánh giá, Hội đồng tự đánh giá đã phân công và xây dựng kế hoạch cụ thể. Để đảm bảo tính trung thực trong báo cáo, nhà trường đã thu thập các minh chứng chính xác, những minh chứng cho thấy các hoạt động của nhà trường, sự phấn đấu vươn lên của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường trong những năm qua. Bản báo cáo là công trình khoa học tập trung trí tuệ và công sức cao của tập thể, là nền tảng để nhà trường làm cơ sở phấn đấu trong những năm tiếp theo.

## **B. TỰ ĐÁNH GIÁ**

### **I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3**

#### **1. Tiêu chuẩn 1: TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ NHÀ TRƯỜNG**

##### **\* Mở đầu.**

Tổ chức và quản lý nhà trường là nhiệm vụ cơ bản và trọng tâm của một nhà trường. Trường Tiểu học và Trung học cơ sở xã Bình Chương có các tổ chức, đoàn thể trong nhà trường được thành lập và hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (gọi tắt là Điều lệ trường phổ thông); có đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên đạt tiêu chuẩn về phẩm chất và trình độ đào tạo, bảo đảm thực hiện chương trình giáo dục phổ thông, có hội đồng trường, hội đồng thi đua khen thưởng, các tổ chuyên môn, tổ văn phòng, chi bộ đảng, công đoàn cơ sở, chi đoàn trường, liên đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, ban đại diện cha mẹ học sinh, ... được thành lập trên cơ sở phù hợp chuyên môn, nghiệp vụ, hoạt động theo đúng quy định, công bằng, dân chủ, công khai.

Hiệu trưởng nhà trường lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý tốt việc thực hiện kế hoạch giảng dạy, học tập các môn học và các hoạt động giáo dục khác theo quy định tại

chương trình giáo dục phổ thông. Đánh giá xếp loại học lực, hạnh kiểm của học sinh kịp thời, công khai, chính xác, phản ánh đúng năng lực học tập và ý thức rèn luyện tu dưỡng của học sinh.

Công tác an ninh trong nhà trường luôn được đảm bảo. Hệ thống sổ sách của nhà trường có đầy đủ theo quy định và được bảo quản chu đáo, cẩn thận.

Công tác cập nhật thông tin được duy trì tốt, các công văn, báo cáo luôn đầy đủ, kịp thời.

Trong thời gian qua, tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường đã không ngừng phấn đấu xây dựng phương hướng, chiến lược nhằm xây dựng và phát triển nhà trường. Đồng thời, nhà trường luôn tô chức và quản lý tốt đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Vì thế, trong những năm học vừa qua, nhà trường luôn nỗ lực, cố gắng, phấn đấu để đạt được mục tiêu này.

**+ Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.**

**- *Mức 1.***

*a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật Giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;*

*b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;*

*c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo.*

**- *Mức 2.***

*Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển.*

**- *Mức 3.***

*Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tô chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.*

**1. Mô tả hiện trạng.**

**- *Mức 1.***

Nhà trường đã xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển phù hợp với mục tiêu giáo dục phổ thông theo quy định tại Luật Giáo dục, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. **[H1-1.1-01]; [H1-1.1-02].**

Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường đã được Phòng GD&ĐT huyện Bình Sơn, UBND xã Bình Chương phê duyệt. [H1-1.1-01].

Nhà trường có công bố, công khai phương hướng, chiến lược phát triển của nhà trường trên bảng thông tin trường và đăng tải công khai trên cổng thông tin điện tử (<http://c12binhchuongbs.quangngai.edu.vn>). [H1-1.1-03].

**- Mức 2.**

Hằng năm, nhà trường tổ chức các cuộc họp hội đồng sư phạm trường để giám sát, đánh giá việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. [H1-1.1-04]; [H1-1.1-05].

**- Mức 3.**

Việc rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển kịp thời. Đã công khai phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển trên trang điện tử của Trường. [H1-1.1-03]; [H1-1.1-06]; [H1-1.1-07].

**2. Điểm mạnh.**

Nhà trường luôn đặt ra phương hướng, chiến lược để xây dựng nhà trường phát triển phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn với sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và học sinh.

Hằng năm nhà trường tổ chức kiểm tra, rà soát, đánh giá, đồng thời sơ kết, tổng kết để đánh giá bổ sung, điều chỉnh phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển phù hợp với điều kiện thực tế.

**3. Điểm yếu.**

Chiến lược xây dựng, phát triển nhà trường chưa được công bố công khai bằng hình thức đăng tải trên trang thông tin điện tử của Phòng GD&ĐT, Sở GD&ĐT.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.**

Hằng năm, nhà trường có sự công khai phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường trên các thông tin điện tử của ngành và các ban ngành liên quan.

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.**

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-	-	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
<b>Đạt</b>		<b>Đạt</b>		<b>Đạt</b>	

**+ Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường.**

**- Mức 1.**

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

**- Mức 2.**

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

**1. Mô tả hiện trạng.**

**- Mức 1.**

Hội đồng trường của Trường TH&THCS xã Bình Chương được thành lập theo Quyết định số 2385/QĐ-UBND ngày 22/9/2020 và kiện toàn theo Quyết định số 379/QĐ-UBND ngày 25/3/2022 của Chủ tịch UBND huyện Bình Sơn. Nhà trường có thành lập các hội đồng khác như: Hội đồng thi đua và khen thưởng; Hội đồng tư vấn; Hội đồng khoa học; Hội đồng tuyển sinh; Hội đồng xét tốt nghiệp, ... [H1-1.2-01].

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của hội đồng trường theo đúng quy định tại Điều 10 Điều lệ trường phổ thông; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của hội đồng thi đua và khen thưởng, hội đồng tư vấn, .... theo đúng Điều 12 Điều lệ trường phổ thông [H1-1.2-01], [H1-1.2-02], [H1-1.2-03], [H1-1.2-04].

Các hoạt động của Hội đồng trường được rà soát, đánh giá định kỳ hàng tháng, quý, năm một cách khách quan, kịp thời giải quyết các vướng mắc, hạn chế. [H1-1.2-05]; [H1-1.2-06].

**- Mức 2.**

Hoạt động hội đồng trường đã phát huy có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường. [H1-1.1-03]; [H1-1.2-04]; [H1-1.2-05]; [H1-1.2-06].

**2. Điểm mạnh.**

Nhà trường thành lập đầy đủ các hội đồng như hội đồng thi đua và khen thưởng, hội đồng tư vấn, hội đồng khoa học, hội đồng tuyển sinh, hội đồng xét tốt nghiệp, ... hoạt động tương đối đồng bộ và hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường.

**3. Điểm yếu.**

Hội đồng tư vấn tâm lý học đường chưa được đào tạo chuyên sâu nên hoạt động tư vấn đôi lúc chưa phong phú về hình thức tổ chức.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.**

Khi thành lập các hội đồng hoạt động trong nhà trường cần có sự đánh giá kịp thời sau mỗi lần hoạt động, từ đó rút ra được bài học kinh nghiệm để lần sau hoạt động tốt hơn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường.

## 5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	-	-
b	Đạt	-	-	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
<b>Đạt</b>		<b>Đạt</b>		-	

**+ Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường.**

**- Mức 1.**

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hàng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

**- Mức 2.**

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.

**- Mức 3.**

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.

### 1. Mô tả hiện trạng.

**- Mức 1.**

Trường TH&THCS xã Bình Chương có các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường theo đúng quy định như: Công Đoàn; Chi đoàn; Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh. [H1-1.3-01].

Các đoàn thể và tổ chức trong nhà trường hoạt động theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của từng tổ chức. [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03].

Hàng năm, các hoạt động của các đoàn thể và tổ chức trong nhà trường đều được rà soát, đánh giá. [H1-1.3-04].

**- Mức 2.**

Chi bộ Trường TH&THCS xã Bình Chương có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định trong khuôn khổ hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong 05 năm liên tiếp có 03 năm (2017, 2018, 2020): Chi bộ đạt hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; 02 năm (2019, 2021): Chi bộ đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ. **[H1-1.3-05]; [H1-1.3-06]; [H1-1.3-07].**

Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường. **[H1-1.3-02] ; [H1-1.3-03] ;[H1-1.3-04]; [H1-1.3-08].**

**- Mức 3.**

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá chi bộ Trường TH&THCS Bình Chương có 03 năm đạt hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 02 năm đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ. **[H1-1.3-06]; [H1-1.3-07].**

Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng. **[H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04]; [H1-1.3-08].**

**2. Điểm mạnh.**

Các tổ chức Chi bộ, Công đoàn, Chi đoàn, Đội thiếu niên trong nhà trường hoạt động nghiêm túc và có hiệu quả thúc đẩy được các phong trào trong nhà trường ngày càng đi lên.

**3. Điểm yếu.**

Tổ chức Chi đoàn Giáo dục của Trường TH&THCS Bình Chương có số lượng thành viên ít nên còn hạn chế trong một số hoạt động.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.**

Tiếp tục chỉ đạo, lãnh đạo Chi đoàn Giáo dục hoạt động hiệu quả hơn.

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.**

<b>Mức 1</b>		<b>Mức 2</b>		<b>Mức 3</b>	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	-	-	-	-
<b>Đạt</b>		<b>Đạt</b>		<b>Đạt</b>	

**+ Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng.**

**- Mức 1.**

a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;

b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;



*c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.*

**- Mức 2.**

*a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;*

*b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.*

**- Mức 3.**

*a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường;*

*b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.*

**1. Mô tả hiện trạng.**

**- Mức 1:**

Trường TH&THCS xã Bình Chương có 01 hiệu trưởng, 02 phó hiệu trưởng theo quy định Điều lệ trường phổ thông. **[H1-1.4-01]**.

Tổ chuyên môn và tổ văn phòng trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định. **[H1-1.4-02]**.

Tổ chuyên môn, tổ văn phòng của trường có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điều 14 và Điều 15 Điều lệ trường phổ thông. **[H1-1.4-03]**.

**- Mức 2:**

Hằng năm, tổ chuyên môn của nhà trường có đề xuất và thực hiện được ít nhất 02 (hai) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục **[H1-1.4-04]**.

Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh. **[H1-1.4-05]; [H1-1.4-06]; [H1-1.4-07]**.

**- Mức 3:**

Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng nhà trường có những đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường. **[H1-1.4-08]**.

Tổ chuyên môn của nhà trường thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. **[H1-1.4-04]; [H1-1.4-08]; [H4-1.4-09]**.

**2. Điểm mạnh.**

Có đủ số lượng hiệu trưởng, phó hiệu trưởng theo quy định, tổ chuyên môn và tổ văn phòng; có xây dựng kế hoạch hoạt động hằng năm, học kỳ, tháng phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường. Các tổ chuyên môn hoạt động tích cực.

### 3. Điểm yếu.

Số giáo viên cùng bộ môn trong mỗi tổ chuyên môn ít nên việc trao đổi rút kinh nghiệm đôi lúc còn chưa cao.

### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.

Tăng cường sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường tạo điều kiện cho giáo viên trao đổi kinh nghiệm. Nâng cao chất lượng các chuyên đề chuyên môn, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

### 5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	-	-	-	-
<b>Đạt</b>		<b>Đạt</b>		<b>Đạt</b>	

#### + Tiêu chí 1.5: Lớp học.

##### - Mức 1.

a) Có đủ các lớp của cấp học;

b) Học sinh được tổ chức theo lớp; lớp học được tổ chức theo quy định;

c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

##### - Mức 2.

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định.

##### - Mức 3.

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Mỗi lớp ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông có không quá 40 (bốn mươi) học sinh, lớp tiểu học không quá 35 (ba mươi lăm) học sinh (nếu có). Số học sinh trong lớp của trường chuyên biệt theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.

### 1. Mô tả hiện trạng.

#### - Mức 1.

Trường có đủ các khối lớp theo quy định từ lớp 1 đến lớp 9. [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02].

Lớp học trong nhà trường được tổ chức đúng quy định, đảm bảo mỗi lớp có 01

lớp trưởng và lớp phó do tập thể lớp bầu ra vào đầu mỗi năm học. Mỗi lớp chia thành 3 đến 4 tổ học sinh, mỗi tổ không quá 10 học sinh, có 01 tổ trưởng, 01 tổ phó do thành viên của tổ bầu ra vào đầu năm học. [H1-1.5-02]; [H1-1.5-03]; [H1-1.5-04].

Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ. [H1-1.5-03]; [H1-1.5-05].

**- Mức 2.**

Sĩ số học sinh trong lớp theo đúng quy định. Mỗi lớp học không quá 45 học sinh đối với cấp THCS và không quá 35 em đối với cấp Tiểu học. [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02]; [H1-1.5-06]; [H1-1.5-07].

**- Mức 3.**

Trường có sĩ số học sinh của từng lớp chưa cân đối, tỷ lệ nam nữ các lớp cũng không đều. [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02]; [H1-1.5-07].

**2. Điểm mạnh.**

Có đủ các lớp, khối lớp của cấp học, lớp học được tổ chức đúng theo quy định Điều 16 Điều lệ trường phổ thông. Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

**3. Điểm yếu.**

Tỉ lệ học sinh của một số lớp ở các điểm trường cấp TH chưa cân đối.

Năng lực hoạt động của ban cán sự lớp ở các lớp hoạt động chưa đồng đều.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.**

Năm học 2022-2023, Nhà trường vận động học sinh ở An Đầm 2 lên học tại điểm trường Ngọc Trì cho đảm bảo cân đối tỷ lệ học sinh ở các lớp.

Thường xuyên tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp nhằm nâng cao năng lực tự quản cho ban cán sự của các lớp.

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.**

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chi báo	Đạt/ Không đạt	Chi báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chi báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Không Đạt
b	Đạt	-	-	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
<b>Đạt</b>		<b>Đạt</b>		<b>Không đạt</b>	

**+ Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản.**

**- Mức 1.**

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) *Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;*

c) *Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.*

**- Mức 2.**

a) *Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;*

b) *Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.*

**- Mức 3.**

*Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.*

**1. Mô tả hiện trạng.**

**- Mức 1.**

Hồ sơ, văn bản của nhà trường được lưu trữ đầy đủ theo qui định của Luật Lưu trữ. Nhà trường có xây dựng hệ thống các văn bản quy định về quản lý tài chính, tài sản; lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và cơ sở vật chất; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành. [H1-1.6-01];[H1-1.6-02]; [H1-1.6-03];[H1-1.6-04].

Hàng năm, nhà trường thực hiện đầy đủ hoạt động dự toán thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự tổ chức kiểm tra tài chính, tài sản thực hiện đúng quy định. Trong Hội nghị cán bộ - viên chức đầu năm, cán bộ, giáo viên, nhân viên đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, đảm bảo đúng luật, phù hợp điều kiện nhà trường và có bổ sung, cập nhật thường xuyên phù hợp với điều kiện thực tế. [H1-1.6-02]; [H1-1.6-04]; [H1-1.6-05]; [H1-1.6-06]; [H1-1.6-07].

Nhà trường quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả trong các hoạt động giáo dục. [H1-1.6-01]; [H1-1.6-04]; [H1-1.6-05]; [H1-1.6-06] [H1-1.6-07].

**- Mức 2.**

Nhân viên Văn thư, Kế toán trường ứng dụng công nghệ thông tin có hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường [H1-1.6-03].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán [H1-1.6-06]; [H1-1.6-07].

**- Mức 3.**

Xây dựng được kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương. **[H1-1.6-08]**.

**2. Điểm mạnh.**

Nhà trường có lưu trữ văn bản, hồ sơ đầy đủ, khoa học theo đúng quy định Luật lưu trữ.

Hàng năm nhà trường có lập dự toán thu - chi, quyết toán, thống kê, báo cáo và thực hiện việc công khai tài chính đúng thời gian quy định.

**3. Điểm yếu.**

Công tác xã hội hóa giáo dục có mạnh tuy nhiên chưa đáp ứng được nhu cầu trong giai đoạn hiện nay.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.**

Tăng cường công tác xã hội hoá để xây dựng vườn trường ngày càng khang trang hơn.

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.**

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
<b>Đạt</b>		<b>Đạt</b>		<b>Đạt</b>	

**+ Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên.**

**- Mức 1.**

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

**- Mức 2.**

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

**1. Mô tả hiện trạng.**

**- Mức 1.**

Hằng năm, Nhà trường đều có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên [H1-1.7-01].

Đầu năm học, Nhà trường có sự phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên rõ ràng, hợp lý; việc phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên của nhà trường đảm bảo hiệu quả trong các hoạt động giáo dục [H1-1.7-01]; [H1-1.7-02].

Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên trong nhà trường được đảm bảo các quyền theo quy định của Điều lệ trường phổ thông và các văn bản hiện hành khác [H1-1.7-02]; [H1-1.7-03]; [H1-1.7-04].

**- Mức 2.**

Nhà trường đã đề ra các kế hoạch bồi dưỡng, biện pháp phát huy được năng lực của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao trình độ để nâng dần chất lượng giáo dục [H1-1.7-01]; [H1-1.7-04]; [H1-1.7-05]; [H1-1.7-06]; [H1-1.7-07].

**2. Điểm mạnh.**

Nhà trường luôn tạo điều kiện cho cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên trong cơ quan tham gia các lớp học nâng chuẩn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ.

Phân công nhiệm vụ cho cán bộ giáo viên nhân viên luôn dựa trên năng lực từng người, phân công nhiệm vụ rõ ràng cụ thể nên chất lượng công việc luôn đem lại hiệu quả cao.

Lãnh đạo nhà trường luôn chỉ đạo sâu sát các tổ chức, cá nhân và luôn theo dõi các hoạt động đó.

**3. Điểm yếu.**

Số lượng giáo viên còn thiếu theo quy định.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.**

Đề xuất các cấp có thẩm quyền xin biên chế giáo viên ở những bộ môn còn thiếu nhằm phục vụ tốt công tác giảng dạy của đơn vị.

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.**

<b>Mức 1</b>		<b>Mức 2</b>		<b>Mức 3</b>	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	-	-
b	Đạt	-	-	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
<b>Đạt</b>		<b>Đạt</b>		<b>-</b>	

**+ Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục.**

**- Mức 1.**

*a. Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường.*

*b. Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ*

*c. Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.*

**- Mức 2.**

*Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có)*

**1. Mô tả hiện trạng.**

**- Mức 1.**

Hằng năm nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục đảm bảo, phù hợp với quy định hiện hành, phù hợp với điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường. [H1-1.8-01].

Nhà trường triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời kế hoạch giáo dục. [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02].

Định kỳ nhà trường có tiến hành rà soát, đánh giá, điều chỉnh kế hoạch hoạt động giáo dục để phù hợp với điều kiện thực tế nhà trường ở mỗi thời điểm, giai đoạn. [H1-1.8-03]; [H1-1.8-04]; [H1-1.7-06].

**- Mức 2.**

Nhà trường tổ chức kiểm tra các hoạt động giáo dục theo kế hoạch kiểm tra nội bộ mà nhà trường đã xây dựng từ đầu năm học, đảm bảo 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường được kiểm tra ít nhất 01 lần trong năm học và được cấp có thẩm quyền kiểm tra đánh giá thông qua hệ thống biên bản kiểm tra của cấp trên. [H1-1.7-06]; [H1-1.8-05]. Qua kiểm tra nhà trường nắm bắt được chất lượng, hiệu quả của công tác giảng dạy cũng như kết quả tổ chức các hoạt động giáo dục khác trong nhà trường, từ đó có những tư vấn và điều chỉnh cho phù hợp. [H1-1.7-06]; [H1-1.8-04]. Các kế hoạch hoạt động của nhà trường đều được sơ kết và tổng kết đầy đủ, chính xác và đúng thời gian. [H1-1.4-06]; [H1-1.8-04]. Nhà trường thực hiện nghiêm túc việc quản lý, chấn chỉnh hoạt động dạy thêm, học thêm theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi; Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi; Phòng Giáo dục và Đào tạo Bình Sơn. Nhà trường không tổ chức dạy thêm, học thêm. Tuy nhiên, việc thực hiện nhiều mô hình dạy học trong một trường có hai cấp học, ba điểm trường dạy học xa nhau dẫn đến việc xây dựng kế hoạch giáo dục đôi lúc còn khó khăn.

**2. Điểm mạnh.**

Lãnh đạo nhà trường đã xây dựng kế hoạch giáo dục rõ ràng, có kế hoạch dạy bù, dạy thay cụ thể, cuối mỗi học kì nhà trường có tổ chức đánh giá để điều chỉnh công tác dạy và học kịp thời.

### 3. Điểm yếu.

Trường có 3 điểm trường tương đối xa nhau nên việc quản lý công tác dạy và học đôi lúc còn khó khăn.

### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.

Cần phát huy và tăng cường vai trò, trách nhiệm của Lãnh đạo nhà trường, tổ trưởng, tổ phó chuyên môn, đặc biệt là phát huy vai trò tự giác, tự quản của giáo viên ở các điểm trường lẻ.

### 5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	-	-
b	Đạt	-	-	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
<b>Đạt</b>		<b>Đạt</b>		-	

#### + Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

##### - *Mức 1.*

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

##### - *Mức 2.*

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

### 1. Mô tả hiện trạng.

##### - *Mức 1.*

Nhà trường đã tổ chức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường (theo quy định tại Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường, ban hành kèm theo Quyết định số



04/2000/QĐ-BGDĐT ngày 01/3/2000 của Bộ trưởng Bộ GDĐT). [H1-1.9-01]; [H1-1.9-02].

Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh nếu thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường đều được giải quyết đầy đủ và đúng pháp luật. Vì vậy, trong 05 năm qua không có khiếu nại, khiếu kiện vượt cấp, cũng như không có cán bộ, giáo viên, nhân viên vi phạm. [H1-1.9-03].

Hằng năm nhà trường có báo cáo kết quả thực hiện quy chế dân chủ cơ sở cho cấp có thẩm quyền theo đúng thời gian quy định [H1-1.9-04].

## - **Mức 2.**

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, đạt hiệu quả dưới sự giám sát chặt chẽ của Ban Thanh tra nhân dân và Ban Chấp hành Công đoàn trường. [H1-1.9-03]; [H1-1.9-04]; [H1-1.9-05]; [H1-1.9-06].

## **2. Điểm mạnh.**

Các tổ chức, cá nhân đều tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường.

Khi có những phản ánh gì về tình hình đạo đức của học sinh, nhà trường tiến hành xử lý, giải quyết kịp thời, dứt điểm.

## **3. Điểm yếu.**

Tinh thần tự kiểm tra, tự giám sát của một số ít cá nhân chưa cao.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.**

Phát huy tinh thần giám sát, tinh thần phê và tự phê của các cá nhân trong đơn vị ngày càng cao hơn.

## **5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.**

<b>Mức 1</b>		<b>Mức 2</b>		<b>Mức 3</b>	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	-	-
b	Đạt	-	-	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
<b>Đạt</b>		<b>Đạt</b>		<b>-</b>	

+ **Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.**

## - **Mức 1.**

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng,

*chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;*

*b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;*

*c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.*

**- Mức 2.**

*a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;*

*b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.*

**1. Mô tả hiện trạng.**

**- Mức 1.**

Vào đầu mỗi năm học, nhà trường có xây dựng các phương án đảm bảo: An ninh trật tự; an toàn vệ sinh thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường. [H1-1.10-01]; [H1-1.10-02]; [H1-1.10-03].

Nhà trường cung cấp đầy đủ số điện thoại của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường cho tất cả giáo viên trong đơn vị, phụ huynh học sinh để sẵn sàng tiếp nhận và xử lý thông tin khi được cung cấp. [H1-1.10-04].

Trong những năm qua, nhà trường không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới; nhờ đẩy mạnh công tác tuyên truyền, ý thức của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh được nâng cao. [H1-1.10-02]; [H1-1.10-03]; [H1-1.10-05].

**- Mức 2.**

Nhà trường thường xuyên tuyên truyền, giáo dục, phổ biến, hướng dẫn cho tất cả cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống

dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực. [H1-1.10-01]; [H1-1.10-02]; [H1-1.10-03]; [H1-1.10-06]; [H1-1.10-07].

Việc kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự trong nhà trường được thực hiện thường xuyên và khi phát hiện có hiện tượng liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự thì lãnh đạo nhà trường có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả. [H1-1.10-03]; [H1-1.10-05]; [H1-1.10-06].

## **2. Điểm mạnh.**

Cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh trong trường được phổ biến, hướng dẫn thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường.

Nhà trường có kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

Nhà trường đã thực hiện được so với yêu cầu của tiêu chí và mục tiêu, kế hoạch đã đề ra. Vì thế, những năm qua không có bạo lực học đường, cháy nổ trong trường học, trường học luôn được an toàn.

Nhà trường đã phối hợp với các tổ chức, đặc biệt là công an xã trong việc tuyên truyền về an ninh trật tự; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường.

## **3. Điểm yếu.**

Việc triển khai tập huấn các phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường đôi lúc chưa được thường xuyên.

Một số ít học sinh chưa ý thức được sự nguy hiểm, nên nhiều em chưa quan tâm đến lĩnh vực này như hay cở vũ các bạn đánh nhau, hay ăn các đồ ăn chưa qua kiểm định, không đảm bảo an toàn thực phẩm, ....

Chưa tổ chức được kỹ năng phòng chống cháy nổ trong nhà trường.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.**

Nhà trường thường xuyên hơn nữa trong công tác phối hợp với các tổ chức liên quan triển khai tập huấn về các phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống

cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường một cách kịp thời.

Tổ chức tập huấn các kỹ năng xử lý khi có vấn đề như cháy nổ xảy ra....

Có hình thức kỉ luật với những cá nhân nào vi phạm một cách nghiêm khắc hơn.

### 5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	-	-
b	Đạt	b	Đạt	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
<b>Đạt</b>		<b>Đạt</b>		-	

#### \* Kết luận về Tiêu chuẩn 1.

Đề đạt được tiêu chuẩn trên là nhờ công tác tổ chức và quản lí nhà trường có cơ cấu tổ chức đúng theo Điều lệ trường phổ thông. Nhà trường đã xây dựng được các phương hướng chiến lược nhằm phát triển hoạt động giáo dục. Việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục. Các tổ chức: Chi bộ, Công đoàn, Chi đoàn, Liên đội, các tổ chuyên môn, tổ văn phòng, ban đại diện cha mẹ học sinh...phối hợp chặt chẽ giúp hoạt động giáo dục nhà trường đạt hiệu quả cao.

- Số lượng tiêu chí đạt: **10/10**
- Số lượng tiêu chí không đạt: **0/10**
- Tự đánh giá: **Đạt mức 2.**

### 2. Tiêu chuẩn 2: CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN

#### \* Mở đầu.

Cán bộ quản lí, giáo viên và nhân viên đều đạt chuẩn theo qui định. Được tham gia các lớp tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ quản lý để đổi mới phương pháp quản lý theo hướng chuyên môn hóa, chuyên nghiệp hóa và hiện đại hóa.

+ **Tiêu chí 2.1:** Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.

#### - **Mức 1.**

a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định.

b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên.

c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

- **Mức 2.**

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên,

b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định, được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

- **Mức 3.**

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

**1. Mô tả hiện trạng.**

- **Mức 1.**

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường đạt các yêu cầu theo quy định tại Điều lệ trường trung học. [H2-2.1-01].

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên theo Quy định chuẩn hiệu trưởng, [H2-2.1-02].

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được dự các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định. [H2-2.1-03],[H2-2.1-04],[H2-2.1-05].

- **Mức 2.**

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên theo Quy định chuẩn hiệu trưởng, [H2-2.1-02].

Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định, được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm. [H2-2.1-04].

- **Mức 3.**

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường đạt chuẩn ở mức khá trở lên theo Quy định chuẩn hiệu trưởng. [H2-2.1-02].

**2. Điểm mạnh:** Lãnh đạo nhà trường có đủ về số lượng, đạt chuẩn theo quy định, có phẩm chất đạo đức tốt, trình độ chuyên môn vững vàng, được khẳng định về năng lực quản lý, tâm huyết với sự nghiệp, có uy tín với ngành, địa phương, phụ huynh và học sinh. Có tầm nhìn chiến lược.

**3. Điểm yếu:** Trình độ giao tiếp ngoại ngữ của Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng còn hạn chế.

#### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.

- Phát huy tính chủ động sáng tạo trong công việc, dám nghĩ dám làm, dám chịu trách nhiệm trước cấp trên.

- Tích cực học tập, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ quản lý để đổi mới phương pháp quản lý theo hướng chuyên môn hóa, chuyên nghiệp hóa và hiện đại hóa.

- Trong năm học 2022 - 2023 và những năm học tới, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng tích cực học tập, đổi mới phương pháp quản lý để điều hành khoa học hơn nữa.

#### 5. Tự đánh giá.

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
<b>Đạt</b>		<b>Đạt</b>		<b>Không đạt</b>	

#### Tự đánh giá: Đạt mức 2.

##### + Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên.

##### - *Mức 1.*

a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục.

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định.

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

##### - *Mức 2.*

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp.

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn.

c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh, có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học, trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

- *Mức 3.*

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt., đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

**1. Mô tả hiện trạng.**

- **Mức 1.**

Nhà trường có đủ số lượng cơ cấu giáo viên theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 về việc hướng dẫn danh mục khung vị trí làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập và các quy định khác, [H2-2.2-01].

100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định tại Điều 33 Điều lệ trường trung học, [H2-2.2-01], [H2-2.2-02], [H2-2.2-03].

Đến thời điểm tự đánh giá nhà trường có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên. [H2-2.2-04], [H2-2.2-05].

- **Mức 2.**

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp, [H2-2.2-02], [H2-2.2-06].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 100% giáo viên được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá theo quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên, [H2-2.2-04],[H2-2.2-05].

Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh, có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học, trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên. [H2-2.2-06],[H2-2.2-07], [H2-2.2-08], [H2-2.2-09], [H2-2.2-10].

- **Mức 3.**

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường thuộc vùng khó khăn nhưng có 100% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có hơn 90% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt, [H2-2.2-04], [H2-2.2-05].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học. [H2-2.2-07].

**2. Điểm mạnh:** Giáo viên có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, có ý thức về chuyên môn tự học, tự rèn luyện, đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn.

**3. Điểm yếu:** Số lượng giáo viên tham gia viết báo cáo, đề tài nghiên cứu khoa học không nhiều, hạn chế về số lần trải nghiệm sáng tạo.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:** Từ năm học 2022 – 2023 nhà trường sẽ tạo điều kiện cho một số GV tham gia học đại học để đảm bảo chuẩn (theo quy định hiện hành). Tạo điều kiện, khuyến khích cho GV tham gia viết báo cáo khoa học nhiều hơn. Hoạt động trải nghiệm, học lí thuyết gắn với thực hành.

### 5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	-	-
c	Đạt	c	Đạt	-	-
<b>Đạt</b>		<b>Đạt</b>		<b>Không đạt</b>	

#### Tự đánh giá: Đạt mức 2.

##### + Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên.

##### - *Mức 1.*

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công,

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực,

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

##### - *Mức 2.*

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định,

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

##### - *Mức 3.*

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm,

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

#### 1. Mô tả hiện trạng.

##### - *Mức 1.*

Số lượng nhân viên đáp ứng các nhiệm vụ được giao, [H2-2.3-01].



Nhân viên nhà trường được phân công công việc phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ, năng lực thực tế của mỗi người, [H2-2.3-02].

Nhân viên nhà trường luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. [H2-2.3-03], [H2-2.3-04].

- **Mức 2.**

Nhà trường có đủ số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định, [H2-2.3-01].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên. [H2-2.3-03], [H2-2.3-04].

- **Mức 3.**

Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm [H2-2.3-01].

Hàng năm, các nhân viên được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí được phân công. [H2-2.3-05].

**2. Điểm mạnh:** Đội ngũ nhân viên nhiệt tình trong công tác, có trình độ chuyên môn đáp ứng vị trí việc làm, có nhiều năm công tác và luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Không có nhân viên nào bị kỷ luật. Hàng năm đều tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các lớp tập huấn do cấp trên tổ chức.

**3. Điểm yếu:** Trường chưa có biên chế nhân viên y tế (kiêm nhiệm). Hiện tại chức danh này do nhân viên kế toán kiêm nhiệm nên không có chuyên môn phù hợp với vị trí việc làm.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:** Đề nghị cấp trên bổ sung thêm 01 biên chế nhân viên y tế hoặc tăng cường tập huấn cho nhân viên kiêm nhiệm y tế để đảm bảo công tác y tế trường học.

**Tự đánh giá:**

<b>Mức 1</b>		<b>Mức 2</b>		<b>Mức 3</b>	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	-	-	-	-
<b>Đạt</b>		<b>Đạt</b>		<b>Đạt</b>	

**Tự đánh giá: Đạt mức 3.**

+ **Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh.**

- **Mức 1.**

a) *Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định,*

- b) *Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định,*
- c) *Được đảm bảo các quyền theo quy định.*

- **Mức 2.**

*Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.*

- **Mức 3.**

*Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.*

**1. Mô tả hiện trạng.**

- **Mức 1.**

Học sinh trường đã đáp ứng được yêu cầu đảm bảo quy định về độ tuổi học sinh theo quy định tại khoản 2, 3 và 4 Điều 37 của Điều lệ trường trung học, [H2-2.4-01], [H2-2.4-02].

Đầu năm học, trường đã tổ chức cho học sinh học tập nội quy, quy định về nhiệm vụ, hành vi học sinh, ngôn ngữ ứng xử, trang phục theo quy định. Có đánh giá, tổng hợp xếp loại hạnh kiểm của học sinh các lớp hằng năm. Các báo cáo của nhà trường hằng năm có nội dung đánh giá việc học sinh thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của học sinh và thực hiện quy định về hành vi học sinh không được làm. Phần lớn học sinh của trường đã thực hiện tốt nhiệm vụ của người học sinh, thực hiện tốt hành vi, ngôn ngữ, ứng xử theo quy định, trang phục phù hợp lứa tuổi [H2-2.4-03].

Học sinh được đảm bảo các quyền theo quy định như tham gia học tập, rèn luyện thể chất, tham gia các hoạt động giao lưu văn hóa, TDTT và được đánh giá xếp loại theo quy định [H2-2.4-04].

- **Mức 2.**

Học sinh được theo dõi phát hiện kịp thời, được Hội đồng tư vấn, giáo viên chủ nhiệm áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực. [H2-2.4-01], [H2-2.4-05].

- **Mức 3.**

Đã có nhiều học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện như đạt giải trong các hội thi học sinh giỏi cấp huyện, cấp tỉnh và các hội thi về TDTT có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường. [H2-2.4-03], [H2-2.4-04], [H2-2.4-06].

**2. Điểm mạnh:** Nhà trường có đầy đủ các loại hồ sơ chăm sóc tư vấn tâm lý cho học sinh, sổ đăng bộ, sổ theo dõi, áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp.

**3. Điểm yếu:**

- Nhiều học sinh có hoàn cảnh khó khăn, một số phụ huynh chưa có sự quan tâm sâu sát đến học sinh.

- Hoạt động ngoài giờ lên lớp hiệu quả còn thấp.

#### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

- Xây dựng quỹ tình thương để giúp đỡ các em có hoàn cảnh khó khăn.

- Xây dựng kế hoạch hoạt động ngoài giờ lên lớp cụ thể hơn, thường xuyên tổ chức sinh hoạt ngoại khoá định kì.

- Tăng cường giáo dục đạo đức cho học sinh.

#### **5. Tự đánh giá:**

<b>Mức 1</b>		<b>Mức 2</b>		<b>Mức 3</b>	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-	-	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
<b>Đạt</b>		<b>Đạt</b>		<b>Không đạt</b>	

**Tự đánh giá: Đạt mức 2.**

#### **\* Kết luận về Tiêu chuẩn 2.**

- Biên chế nhân sự nhà trường đạt chuẩn trình độ về đào tạo theo quy định. Cán bộ quản lý làm việc khoa học, đạt hiệu quả khá, tốt. Hằng năm tất cả giáo viên đều được xếp loại có năng lực chuyên môn từ khá trở lên, không có cán bộ giáo viên nào vi phạm pháp luật và quy định về đạo đức nhà giáo. Đa số học sinh đều có ý thức chấp hành tốt Điều lệ trường trung học.

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: **04/04.**

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: **0.**

- **Tiêu chuẩn 2: Đạt mức 2.**

### **3. Tiêu chuẩn 3: CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ THIẾT BỊ**

#### **\* Mở đầu.**

Cơ sở vật chất và thiết bị của trường tương đối đầy đủ, đảm bảo cho việc dạy và học của nhà trường. Trường học khang trang, khu vui chơi đảm bảo, mát mẻ, thân thiện.

#### **+ Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập**

##### **- Mức 1.**

a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục.

b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc hàng rào bao quanh.

c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

- **Mức 2.**

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

- **Mức 3.**

Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất 6m<sup>2</sup>/học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất 10m<sup>2</sup>/học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.

### **1. Mô tả hiện trạng**

- **Mức 1.**

a) Trường có khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục giáo viên và học sinh, [H3-3.1-01].

b) Trường có xây dựng cổng trường, biển tên trường và tường hoặc hàng rào bao quanh. [H3-3.1-02], [H3-3.1-03].

c) Trường có khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường, [H3-3.1-04].

- **Mức 2.**

Trường có khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục. [H3-3.1-01], [H3-3.1-02], [H3-3.1-03], [H3-3.1-04].

- **Mức 3.**

Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất 6m<sup>2</sup>/học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất 10m<sup>2</sup>/học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích 7000 m<sup>2</sup>. [H3-3.1-01], [H3-3.1-02], [H3-3.1-03], [H3-3.1-04], [H3-3.1-05].

### **2. Điểm mạnh.**

Khuôn viên trường đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T00086 ngày 12/12/2001, T00087 ngày 12/12/2001, T00088 ngày 08/01/2002.

Diện tích của khuôn viên trường là hơn 21364m<sup>2</sup> đáp ứng được hơn 25m<sup>2</sup>/học sinh đối với các trường khu vực nông thôn.

Giáo viên và học sinh luôn chăm sóc đảm bảo môi trường xanh sạch đẹp.

Trường có khuôn viên riêng biệt, có hàng rào bao quanh, có cổng trường và biển trường khang trang.

### **3. Điểm yếu.**

Sân trường còn thấp nên thường xuyên bị ngập nước khi mùa mưa đến.

Chưa có khu giáo dục thể chất ở các cụm lẻ.

#### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.

Năm học 2022-2023 phối hợp với chính quyền địa phương, các đoàn thể hội cha mẹ học sinh và các cơ quan đóng trên địa bàn xã để huy động đồ đất san lấp mặt bằng khu vui chơi, giáo dục thể chất.

#### 5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-		-	
c	Đạt	-		-	
<b>Đạt</b>		<b>Đạt</b>		<b>Không đạt</b>	

**Tự đánh giá:** Đạt mức 2.

#### + Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập

##### - *Mức 1.*

a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày;

b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định;

c) Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống;

##### - *Mức 2.*

Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

Khối phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

##### - *Mức 3.*

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).

#### 1. Mô tả hiện trạng

##### - *Mức 1.*

Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày. [H3-3.1-02], [H3-3.1-03], [H3-3.1-04], [H3-3.1-05].

Có đủ phòng học bộ môn theo quy định

Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.

**- Mức 2.**

Phòng học phòng bộ môn được xây dựng đạt chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật hòa nhập. [H3-3.1-02], [H3-3.1-03], [H3-3.1-04], [H3-3.1-05], [H3-3.2-01].

Khôi phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

**- Mức 3.**

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có). [H3-3.1-02], [H3-3.1-03], [H3-3.1-04], [H3-3.1-05], [H3-3.2-01], [H3-3.2-02].

**2. Điểm mạnh.**

- Có đầy đủ phòng học, bàn ghế. Phòng học đảm bảo ánh sáng, thoáng mát và đảm bảo điều kiện thuận lợi cho việc dạy và học.

- Quy cách diện tích bảng, hệ thống ánh sáng, quạt trong từng phòng học đúng quy chuẩn.

- Hàng năm đơn vị dùng kinh phí thường xuyên để mua bổ sung và sửa chữa các trang thiết bị phục vụ nhu cầu thiết yếu cho việc dạy và học.

- Có đủ phòng bộ môn, trang thiết bị để phục vụ cho việc dạy và học.

**3. Điểm yếu.**

- Chưa có phòng riêng để tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ khuyết tật (nếu có)

- Số lượng máy tính phòng tin học chưa đảm bảo 1 học sinh/1 máy.

- Trường chưa có nhà thi đấu đa năng.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

Năm học 2022- 2023: tham mưu với cấp trên cung cấp trang thiết bị để tổ chức các hoạt động cho các học sinh có hoàn cảnh đặc biệt.

**5. Tự đánh giá:**

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không	Chỉ báo	Đạt/	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt

	đạt	(nếu có)	Không đạt	(nếu có)	
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-	-	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
	<b>Đạt</b>		<b>Đạt</b>		<b>Không đạt</b>

**Tự đánh giá: Đạt mức 2.**

**+ Tiêu chí: 3.3 Khối hành chính quản trị**

**- Mức 1**

a) Đạt tiêu chuẩn: Có phòng tin học, phòng truyền thống và hoạt động Đội đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục.

b) Khối phòng hành chính- quản trị đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính quản trị của nhà trường.

c) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn trật tự.

**- Mức 2**

a) Khối phòng phục vụ học tập và khối hành chính – quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

b) Có nơi lưu trữ hồ sơ, tài liệu chung..

**- Mức 3**

Khối phòng phục vụ học tập, phòng hành chính- quản trị có đầy đủ các thiết bị, được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

**1. Mô tả hiện trạng.**

**- Mức 1.**

a) Trường có đủ phòng tin học, phòng truyền thống và hoạt động Đội đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo, [H3-3.1-05].

b) Khối phòng hành chính quản trị có phòng làm việc của HT, PHT; phòng Hội đồng sư phạm, [H3-3.1-04].

c) Nhà để xe cho giáo viên, học sinh riêng biệt được đặt ở vị trí hợp lý, đảm bảo cẩn thận, an toàn. Nhà để xe cho học sinh khá đảm bảo so với số lượng xe của học sinh toàn trường, [H3-3.2-02].

**- Mức 2.**

a) Nhà trường có khối phòng phục vụ học tập gồm: Phòng Tin học có trên 20 máy tính được nối mạng; phòng hoạt động Đội; có phòng GD nghệ thuật chưa có bếp ăn, nhà ăn, nhà nghỉ. [H3-3.1-03], [H3-3.2-01], [H3-3.1-05].

b) Trường có tủ lưu trữ hồ sơ, tài liệu đảm bảo an toàn. [H3-3.1-04], [H3-3.2-02].

**- Mức 3.**

Nhà trường có khối phòng phục vụ học tập gồm: Phòng Tin học có 20 máy tính được nối mạng; phòng thư viện; phòng thiết bị GD; phòng hoạt động Đội; khối phòng hành chính quản trị có phòng làm việc của HT, PHT; phòng Hội đồng sư phạm; các khối phòng hiệu bộ, diện tích các phòng làm việc còn hẹp. [H3-3.1-03], [H3-3.2-01], [H3-3.1-05], [H3-3.3-01], H3-3.1-04], [H3-3.2-02].

**2. Điểm mạnh.**

Trường có phòng tin học, phòng truyền thống và hoạt động Đội đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục.

Khối phòng hành chính- quản trị đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính quản trị của nhà trường.

Có đủ 2 khu nhà để xe đảm bảo cho giáo viên và học sinh.

**3. Điểm yếu.**

Trường chưa có phòng đa chức năng.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.**

Nhà trường lập kế hoạch xin kinh phí xây dựng phòng đa chức năng vào năm 2023.

**5. Tự đánh giá.**

<b>Mức 1</b>		<b>Mức 2</b>		<b>Mức 3</b>	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (Nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (Nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	A	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	B	Đạt	-----	-----
c	Đạt	-----	-----	-----	-----
<b>Đạt</b>		<b>Đạt</b>		<b>Không đạt</b>	

**Tự đánh giá: Đạt mức 2.**

**+ Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước**

**- Mức 1.**

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập.

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh.



c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

- **Mức 2.**

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định.

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ GDĐT và Bộ Y tế.

- **Mức 3. (không có)**

**1. Mô tả hiện trạng.**

- **Mức 1.**

a) Trường đã có khu vệ sinh riêng cho học sinh nam và học sinh nữ, tuy nhiên giáo viên, nhân viên còn sử dụng nhà vệ sinh chung. Các nhà vệ sinh đều đảm bảo vệ sinh, không ô nhiễm môi trường, sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập, [H3-3.1-02], [H3-3.2-02], [H3-3.1-05].

b) Hệ thống thoát nước có đầy đủ cống, rãnh, thoát hết nước, không để nước ứ đọng, đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống (nước bình đóng chai) và nước sinh hoạt ( giếng đào, giếng khoan) cho giáo viên, nhân viên và học sinh, [H3-3.1-04], [H3-3.4-01].

c) Thu gom rác và xử lý chất thải được xử lý hàng ngày đảm bảo vệ sinh môi trường.

- **Mức 2.**

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định, hồ sơ thiết kế xây dựng của nhà trường lưu đầy đủ, [H3-3.1-03], [H3-3.2-02], [H3-3.1-05], [H3-3.1-04].

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước đáp ứng quy định, tuy nhiên công tác thu gom và xử lý chất thải chưa đáp ứng quy định của Bộ GDĐT và Bộ Y tế, [H3-3.4-01].

**2. Điểm mạnh:** Khu vệ sinh được bố trí hợp lý, có đủ nước sạch cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh sinh hoạt, hệ thống thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường. Có nơi để xử lý chất thải. Rác được xe rác thu gom hàng tuần vào thứ 6.

**3. Điểm yếu:** Chưa xây dựng được lò đốt chất thải

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:** Tham mưu xây dựng lò đốt rác và mua sắm, bố trí một số thùng đựng rác trong khuôn viên trường.

**5. Tự đánh giá. Đạt mức 2.**

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không	Chỉ báo	Đạt/	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt

	đạt	(nếu có)	Không đạt	(nếu có)	
a	Đạt	a	Đạt	-	-
b	Đạt	b	Đạt	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
	<b>Đạt</b>		<b>Đạt</b>		

**+ Tiêu chí 3.5: Thiết bị**

**- Mức 1.**

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường.

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định.

c) Hàng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

**- Mức 2.**

a) Hệ thống máy tính được kết nối internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học.

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định.

c) Hàng năm được bổ sung thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

**- Mức 3.**

Thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

**1. Mô tả hiện trạng.**

**- Mức 1.**

a) Có đủ các thiết bị văn phòng gồm máy tính phục vụ cho công tác quản lý, máy in, máy photocopy, máy tính làm việc của văn phòng, .... và thiết bị dạy học tối thiểu phục vụ việc dạy học theo quy định tại Thông tư 19/2009/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học cơ sở. [H3-3.5-01], [H3-3.5-02], [H3-3.5-03]

b) Có một phòng thiết bị riêng với đủ các thiết bị dạy học đáp ứng theo yêu cầu tối thiểu quy định được giáo viên mượn ghi vào phiếu báo thiết bị sử dụng, sổ mượn thiết bị sau đó được người phụ trách thiết bị lưu vào sổ theo dõi thiết bị và đầu năm học cán bộ phụ trách thiết bị có làm kế hoạch hoạt động thiết bị cụ thể cho hoạt động từng tháng, [H3-3.5-02], [H3-3.5-04]

c) Việc kiểm kê, sửa chữa, bổ sung và thanh lý các loại thiết bị, hóa chất hư hỏng hoặc quá hạn được nhà trường thực hiện thường xuyên hàng năm theo quy định. [H3-3.5-05], [H3-3.5-06], [H3-3.5-07], [H3-3.5-08]

## - Mức 2.

a) Hệ thống máy tính được kết nối internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học cụ thể có máy tính làm việc cho Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng và tổ văn phòng, có máy photocopy, máy in, có phòng học riêng dành cho môn Tin học trong đó có máy tính dành cho học sinh và 01 máy chiếu phục vụ công tác giảng dạy. [H3-3.5-09], [H3-3.5-10]

b) Nhà trường có đủ các thiết bị dạy học phục vụ trong công tác giảng dạy nhưng đa số đồ dùng dạy học bị hư hỏng nhiều và không sử dụng được đặc biệt là thiếu nhiều tranh ảnh ở một số bộ môn như Địa lý, Lịch sử, Công nghệ, ....., thiết bị thực hành môn Hóa một số hóa chất hư hỏng, môn Sinh mô hình hư hỏng nhiều. [H3-3.5-02], [H3-3.5-07]

c) Công tác kiểm kê thiết bị được thực hiện vào cuối năm học một cách cụ thể, chi tiết; một số ít thiết bị được mua sắm bổ sung hàng năm và một số thiết bị dạy học do giáo viên tự làm hàng năm nhưng chưa nhiều. [H3-3.5-01], [H3-3.5-05], [H3-3.5-11]

## - Mức 3.

Thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được giáo viên tìm hiểu, khai thác, sử dụng hiệu quả nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng của nhà trường từ đó tạo tâm thế cho học sinh học tập tích cực và yêu thích từng bộ môn nhiều hơn nhưng bên cạnh đó vẫn còn một số hạn chế như chất lượng thiết bị tự làm không sử dụng thường xuyên nên dễ hư hỏng, đồ dùng sẵn có bị hư hỏng nhiều và số lượng giáo viên tự làm đồ dùng còn hạn chế. [H3-3.5-02], [H3-3.5-11]

### 2. Điểm mạnh.

- Có thiết bị và đồ dùng dạy học đảm bảo theo quy định.
- Đa số giáo viên sử dụng thiết bị dạy học một cách khoa học, hiệu quả.
- Ban giám hiệu nhà trường rất quan tâm đến việc đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ giảng dạy.
- Giáo viên có ý thức sử dụng thiết bị dạy học trong giảng dạy.
- Có nhân viên phụ trách thiết bị làm việc khoa học nhiệt tình, đáp ứng kịp thời nhu cầu sử dụng của giáo viên.
- Có hệ thống Internet phục vụ công tác quản lý và hoạt động dạy học.

### 3. Điểm yếu.

- Nhiều thiết bị được cung cấp chỉ sử dụng một vài lần đã bị hư hỏng, chất lượng chưa đảm bảo và thiếu đồng bộ. Một số thiết bị chưa phát huy được hiệu quả trong giảng dạy vì đã được trang bị khá lâu, có thiết bị dễ vỡ khi lắp ráp.

- Việc tự làm thêm đồ dùng dạy học hàng năm còn hạn chế.

#### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.

- Có biện pháp khuyến khích, động viên giáo viên tự làm đồ dùng dạy học.
- Đề xuất mua sắm bổ sung các thiết bị dạy học còn thiếu hoặc bổ sung thiết bị hư hỏng hằng năm.
- Đầu tư mua sắm, lắp đặt hệ thống máy chiếu tại các phòng học

#### 5. Tự đánh giá.

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Không đạt	-	-
c	Đạt	c	Đạt	-	-
<b>Đạt</b>		<b>Đạt</b>		<b>Không đạt</b>	

**Tự đánh giá: Đạt mức 2.**

#### + Tiêu chí 3.6: Thư viện

##### - *Mức 1:*

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường.

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh.

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

##### - *Mức 2.*

*Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên*

##### - *Mức 3.*

*Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên. Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.*

#### 1. Mô tả hiện trạng.

##### - *Mức 1.*

a) Thư viện nhà trường được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động

nghiên cứu, hoạt động dạy học của giáo viên và học sinh, đồng thời phục vụ các hoạt động khác của nhà trường, [H3-3.6-01].

b) Thư viện có tổ chức các hoạt động đọc sách để đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, [H3-3.6-02].

c) Hằng năm thư viện luôn được kiểm kê cuối năm, có kế hoạch bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo, [H3-3.6-03].

#### - **Mức 2.**

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên (theo quy định tại Quyết định số 01/2003/QĐ-BGD&ĐT ngày 02 tháng 01 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông), [H3-3.6-01], [H3-3.6-02].

#### - **Mức 3.**

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên (theo quy định tại Quyết định số 01/2003/QĐ-BGD&ĐT ngày 02 tháng 01 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông), [H3-3.6-04], [H3-3.6-05].

Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh, [H3-3.6-01], [H3-3.6-02].

### **2. Điểm mạnh.**

- Thư viện đạt Thư viện Tiên Tiến năm học 2017-2018, có đầy đủ sách, sách, báo, tạp chí, bản đồ tranh ảnh giáo dục và các ấn phẩm tham khảo đáp ứng nhu cầu nghiên cứu dạy và học của giáo viên và học sinh.

- Thư viện có kết nối internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

### **3. Điểm yếu.**

- Nguồn đầu sách tham khảo trong kho sách chưa được phong phú, hoạt động liên kết giữa thư viện với hội phụ huynh và các đoàn thể chưa được mở rộng.

- Nguồn kinh phí còn hạn hẹp nên việc đầu tư và mua bổ sung sách hàng năm còn ít.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.**

- Vận động cha mẹ học sinh đóng góp kinh phí hàng năm để đầu tư sách cho thư viện ngày càng phong phú hơn.

- Phát động phong trào đọc sách, báo rộng khắp để huy động trên 70% số học sinh đọc sách để nâng cao trình độ.

- Phối kết hợp với Ban giám hiệu tổ chức phong trào viết chuyên đề trong giáo viên ngày càng cao.

- Tiếp tục tuyên truyền giới thiệu sách, điểm sách, viết thư mục trong toàn trường.

### 5. Tự đánh giá.

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-		-	
c	Đạt	-		-	
<b>Đạt</b>		<b>Đạt</b>		<b>Không đạt</b>	

**Tự đánh giá: Đạt mức 2.**

#### \* Kết luận về Tiêu chuẩn 3.

Cơ sở vật chất và thiết bị đáp ứng đầy đủ việc dạy và học. Khuôn viên trường luôn luôn được tu sửa bổ sung phù hợp với nhu cầu giáo dục, luôn gần gũi và thân thiện.

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: **06/06.**

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: **0.**

- **Tiêu chuẩn 3: Đạt mức 2.**

### 4. Tiêu chuẩn 4: QUAN HỆ GIỮA NHÀ TRƯỜNG, GIA ĐÌNH VÀ XÃ HỘI.

#### \* Mở đầu.

Nhà trường, gia đình và xã hội luôn được coi là “Tam giác” giáo dục quan trọng đối với mỗi học sinh. Đây là mối quan hệ tác động qua lại. Truyền thống gia đình ảnh hưởng sâu sắc đến nhân cách của trẻ em. Gia đình là cầu nối trẻ em với nhà trường và xã hội. Nhà trường là môi trường có đủ điều kiện nhất trong việc thực hiện các mục tiêu giáo dục. Nhà trường đóng vai trò quan trọng trong việc truyền thụ tri thức, rèn luyện nhân cách cho các em. Cộng đồng xã hội đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng môi trường văn hóa, môi trường giáo dục. Nhà trường, gia đình và xã hội là quan hệ khăng khít không thể tách rời trong hoạt động giáo dục, huy động các nguồn lực về tinh thần, vật chất để xây dựng trường và môi trường giáo dục lành mạnh, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường.

**+ Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh.**

- **Mức 1.**

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

- **Mức 2.**

Phối hợp hiệu quả với Nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương, chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

- **Mức 3.**

Phối hợp hiệu quả với Nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo qui định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

**1. Mô tả hiện trạng.**

- **Mức 1.**

a) Ban đại diện CMHS của nhà trường được thành lập đúng Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh, thông qua Hội nghị CMHS toàn trường đầu năm học. Mỗi lớp có Ban đại diện CMHS lớp gồm 03 thành viên. Ban đại diện CMHS của trường hiện nay có 05 người, được bầu thông qua Hội nghị CMHS đầu năm học [H4-4.1-01]; [H4-4.1-02].

b) Sau Hội nghị CMHS, Ban đại diện CMHS của trường lập kế hoạch hoạt động cụ thể, sát tình hình thực tiễn. Ban đại diện CMHS của trường thực hiện quyền và hoạt động theo đúng Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Các thành viên trong Ban đại diện CMHS đều có tinh thần trách nhiệm cao, tích cực trong mọi hoạt động [H4-4.1-02]; [H4-4.1-03].

c) Ban đại diện CMHS nhà trường đã tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ: tổ chức cuộc họp đầu năm, phân công các thành viên trong Ban đại diện phụ trách các địa bàn và các công tác khác [H4-4.1-01]; [H4-4.1-02]; [H4-4.1-03]; [H4-4.1-04].

- **Mức 2.**

Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục. Ban đại diện cha mẹ học sinh hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh của các khối lớp. Phối hợp cùng với nhà trường trong việc huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp. Ban đại diện cha mẹ học sinh còn phối hợp với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện về an toàn giao thông. [H4-4.1- 02]; [H4-4.1- 03]

**- Mức 3.**

Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp với giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn tổ chức các hoạt động giáo dục học sinh; Phối hợp với giáo viên chủ nhiệm lớp chuẩn bị nội dung họp cha mẹ học sinh trong năm học; Tham gia giáo dục đạo đức học sinh, bồi dưỡng, khuyến khích học sinh giỏi, giúp đỡ học sinh yếu kém, vận động học sinh bỏ học tiếp tục trở lại học tập, giúp đỡ học sinh nghèo, học sinh khuyết tật và học sinh có hoàn cảnh khó khăn. [H4-4.1- 01]; [H4-4.1- 03]; [H4-4.1-05].

**2. Điểm mạnh.**

Ban đại diện CMHS được thành lập và kiện toàn hàng năm. Ban đại diện cha mẹ học sinh của Nhà trường hoạt động theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành theo Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT; hoạt động tích cực, nhiệt tình, dành thời gian và công sức cho công tác vận động học sinh ra lớp và luôn đồng hành với trường trong các hoạt động giúp đỡ, hỗ trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, giáo dục học sinh.

**3. Điểm yếu.**

Một số ít cha mẹ học sinh do hoàn cảnh, điều kiện công việc phải sinh sống, làm ăn ở xa nên chưa thực sự quan tâm, phối kết hợp với nhà trường trong việc giáo dục học sinh. Một vài thành viên của Ban đại diện CMHS tham gia hoạt động của Ban đại diện CMHS chưa tích cực.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.**

Nhà trường tiếp tục tạo điều kiện cho Ban Đại diện cha mẹ học sinh hoạt động hiệu quả hơn, củng cố và nâng cao trách nhiệm của cha mẹ học sinh, tạo mọi điều kiện cho Ban đại diện cha mẹ học sinh thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền, trách nhiệm theo Điều lệ Ban Đại diện cha mẹ học sinh.

Huy động Ban đại diện cha mẹ học sinh tích cực đề xuất các biện pháp giáo dục học sinh.

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.**

<b>Mức 1</b>		<b>Mức 2</b>		<b>Mức 3</b>	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	--		--	
c	Đạt	--		--	
<b>Đạt</b>		<b>Đạt</b>		<b>Đạt</b>	

+ Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của Nhà trường.

**- Mức 1.**



a) Tham mưu cấp ủy Đảng, Chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của Nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục; về mục tiêu nội và kế hoạch giáo dục của Nhà trường.

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng qui định.

- **Mức 2.**

a) Tham mưu các ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho Nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược, xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục, thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử cách mạng, công trình văn hoá; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ gia đình có công với cách, Bà mẹ Việt Nam anh hùng

- **Mức 3.**

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng Nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

**1. Mô tả hiện trạng.**

- **Mức 1.**

a) Trong từng năm học, nhà trường căn cứ vào tình hình thực tế tại đơn vị đã tham mưu với cấp ủy đảng, chính quyền, Ủy ban nhân dân xã và huyện, Phòng Giáo dục và Đào tạo trong việc phát triển nhà trường cũng như xây dựng, sửa chữa cơ sở vật chất để phát triển nhà trường. **[H4-4.2-01].**

b) Nhà trường đã phối hợp tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của trường. Hằng năm nhà trường thực hiện việc tuyên truyền đến các ban ngành đoàn thể của địa phương các nội dung, kế hoạch thông qua các cuộc họp chi bộ, lễ khai giảng, sơ kết của nhà trường. Ngoài ra nhà trường cũng đã ký kết với Công an địa phương trong việc gìn giữ an ninh trật tự trên địa bàn xã, phối hợp với xã Đoàn trong các phong trào hội diễn văn nghệ, tham gia gia thi đấu bóng chuyền; lao động cải tạo hồ bơi **[H4-4.2-02]; [H4-4.2-03]; [H4-4.2-04].**

c) Tham mưu với Hội khuyến học các cấp, các nhà hảo tâm, CB, GV, NV trong trường về việc hỗ trợ kinh phí giúp đỡ HS nghèo, có hoàn cảnh khó khăn nâng dần chất lượng giáo dục của trường. Kết hợp với các đoàn thể, ban ngành trong trường và xã tham gia huy động HS ra lớp, đi học đầy đủ **[H4-4.2-03].**

## - **Mức 2.**

a) Hàng năm, tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền trong việc duy trì sĩ số, huy động học sinh ra lớp, hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở. Tham mưu với địa phương về cơ sở vật chất hướng tới mục tiêu trường đạt chuẩn quốc gia [H4-4.2-01].

b) Hàng năm, nhà trường đã mời Công an để tuyên truyền, giáo dục pháp luật, an toàn giao thông và phòng chống các tệ nạn xã hội. Giúp học sinh hiểu và tự hào về truyền thống vẻ vang của dân tộc bằng các việc làm như lao động nghĩa trang liệt sĩ, thấp nển tri ân, chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng... Từ đó, các em sẽ ra sức cố gắng học tập để xây dựng đất nước ngày càng phát triển hơn. [H4-4.2-02]; [H4-4.2-03]

## - **Mức 3.**

Hàng năm, nhà trường có các văn bản tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương, có văn bản của cấp có thẩm quyền công nhận nhà trường đạt danh hiệu đơn vị văn hóa. [H4-4.2-04]

## **2. Điểm mạnh.**

Nhà trường đã phối hợp chặt chẽ với chính quyền và các tổ chức đoàn thể địa phương trong việc xây dựng và phát triển nhà trường.

Nhà trường đã phối hợp hiệu quả với các tổ chức ban ngành, đoàn thể của địa phương trong việc giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc cho học sinh và thực hiện tốt việc chăm sóc di tích lịch sử.

## **3. Điểm yếu.**

- Huy động sự hỗ trợ, đóng góp của CMHS còn ít.

- Nhà trường phối hợp chưa hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.**

Chú trọng công tác tham mưu với Đảng ủy, UBND xã trong việc phối hợp công tác để huy động HS ra lớp, đảm bảo an ninh trật tự khu vực trường.

Làm văn bản tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

Huy động sự hỗ trợ, đóng góp của CMHS, các tổ chức hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở.

## **5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.**

<b>Mức 1</b>	<b>Mức 2</b>	<b>Mức 3</b>
--------------	--------------	--------------

Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Không đạt
b	Đạt	b	Đạt	-	
c	Đạt	-		-	
<b>Đạt</b>		<b>Đạt</b>		<b>Không đạt</b>	

**\* Kết luận về Tiêu chuẩn 4.**

Công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội luôn được đặt lên hàng đầu, công tác xã hội hóa ngày càng mạnh góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường.

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: **02/02.**
- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: **0.**
- Tiêu chuẩn 4: **Đạt mức 2.**

**5. Tiêu chuẩn 5: HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC VÀ KẾT QUẢ GIÁO DỤC**

**\*Mở đầu.**

Giáo dục là nhiệm vụ cơ bản và trọng tâm của một nhà trường, là hoạt động có tổ chức nhằm thúc đẩy, bồi dưỡng và phát triển tri thức, nhận thức, kỹ năng và hoàn thiện nhân cách của mỗi học sinh.

Cùng với sự phát triển của xã hội, vai trò của giáo dục trở nên đặc biệt được coi trọng và là ưu tiên hàng đầu, vai trò của giáo dục đối với xã hội trước hết được thể hiện trong việc đào tạo tri thức, nâng cao dân trí, đào tạo nhân tài. Nhận thức được tầm quan trọng của giáo dục, đặc biệt là ở những cấp học có vai trò đặt nền móng để phát triển tri thức Trường TH và THCS Bình Chương luôn xây dựng kế hoạch giáo dục cho từng năm học một cách rõ ràng, chắc chắn và khoa học góp phần nâng cao trình độ hiểu biết chung của mỗi học sinh trên tất cả các mặt như tri thức, nhân cách...

**+ Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông.**

**- Mức 1.**

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục.

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

c) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.

**- Mức 2.**

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh.

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

- **Mức 3.**

Hằng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

**1. Mô tả hiện trạng.**

- **Mức 1.**

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục. [H5-5.1-01], [H5-5.1-02], [H5-5.1-03] (Kế hoạch giáo dục của trường, của giáo viên, biên bản rà soát việc thực hiện chương trình).

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn. [H5-5.1-04] (sổ ghi chép sinh hoạt chuyên môn, phiếu dự giờ).

c) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả. [H5-5.1-05] (kế hoạch chuyên môn, kế hoạch kiểm tra định kì).

- **Mức 2.**

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục [H5-5.1-03] (biên bản rà soát thực hiện chương trình). Lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh. [H5-5.1-06] (sổ ghi chép sinh hoạt chuyên môn, phiếu dự giờ).

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện. [H5-5.1-07] (Bảng khăn, giấy khen, quyết định khen thưởng).

- **Mức 3.**

Hằng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh. [H5-5.1-08] (chuyên đề báo cáo), [H5-5.1-09] (sổ nghị quyết của nhà trường), [H5-5.1-10] (báo cáo tổng kết của trường, của chuyên môn).

**2. Điểm mạnh.**

Lãnh đạo nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục và có nội dung thời lượng phương pháp hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng học sinh.

Chỉ đạo vận dụng tốt các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh, điều kiện nhà trường và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn cho học sinh.

Tổ chức các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan, hiệu quả, phân loại được đúng trình độ, năng lực học sinh để kịp thời tổ chức phụ đạo cho học sinh yếu, kém và chọn đội tuyển để bồi dưỡng HSG tham gia dự thi HSG các cấp.

Hằng năm Lãnh đạo nhà trường có tổ chức rà soát, phân tích, đánh giá kết quả của hoạt động dạy học và đề ra các biện pháp, giải pháp để tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của nhà trường.

### 3. Điểm yếu.

Học sinh được chọn để tham gia thi học sinh giỏi các cấp đạt chưa cao ở một số môn.

### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.

Tổ chức chọn học sinh tham gia thi học sinh giỏi các cấp phù hợp với khả năng, sở thích của học sinh.

Mỗi giáo viên cần khai thác ứng dụng công nghệ thông tin vào trong giảng dạy nhiều hơn.

### 5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (Nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (Nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	-	
c	Đạt	-		-	
<b>Đạt</b>		<b>Đạt</b>		<b>Đạt</b>	

**+ Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện**

#### - Mức 1.

a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

c) Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

- **Mức 2.**

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

- **Mức 3.**

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

**1. Mô tả hiện trạng.**

- **Mức 1.**

a) Trường có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện. [H5-5.2-01].

b) Có tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện. [H5-5.2-02].

c) Hằng năm có thực hiện việc rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện. [H5-5.2-03].

- **Mức 2.**

Trường có báo cáo chuyên đề, sáng kiến kinh nghiệm liên quan đến giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện; [H5-5.1-06].

- **Mức 3.**

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận. [H5-5.1-07], [H2-2.4-04].

**2. Điểm mạnh.**

Nhà trường và mỗi cán bộ giáo viên đều có kế hoạch để giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, có năng khiếu. Đội ngũ giáo viên có năng khiếu hướng dẫn học sinh có năng khiếu tham gia các hội thi do ngành tổ chức.

**3. Điểm yếu:** Số lượng học sinh có năng khiếu còn ít.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:** Có kế hoạch bồi dưỡng và khuyến khích để phát huy năng khiếu, sở trường của học sinh

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 3**

<b>Mức 1</b>	<b>Mức 2</b>	<b>Mức 3</b>
--------------	--------------	--------------

Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (Nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (Nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt			-	
c	Đạt	-		-	
<b>Đạt</b>		<b>Đạt</b>		<b>Đạt</b>	

**+ Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định**

**- Mức 1.**

a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch.

b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả.

c) Hàng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.

**- Mức 2.**

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

**1. Mô tả hiện trạng.**

**- Mức 1.**

a) Hàng năm, giáo viên đều có xây dựng kế hoạch giảng dạy giáo dục địa phương cho học sinh của nhà trường phù hợp với tình hình địa phương. [H5-5.3-01], [H5-5.3-02].

b) Đề kiểm tra, đáp án, biểu điểm và bài kiểm tra có nội dung giáo dục địa phương phù hợp. [H5-5.3-03].

c) Có báo cáo tổng kết, sơ kết các hoạt động qua từng học kì, năm học. [H5-5.3-04].

**- Mức 2.**

Hàng năm nhà trường, tổ chuyên môn đều có đánh giá, rà soát và đề xuất những vấn đề có liên quan đến các nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn. [H5-5.3-05], [H5-5.3-06].

**2. Điểm mạnh.**

Hàng năm, giáo viên đều có xây dựng kế hoạch cụ thể và tổ chức dạy học chương trình giáo dục địa phương qua các tiết học địa phương như Lịch sử địa phương, Văn học địa phương, Địa lí địa phương trong dạy học phù hợp với lứa tuổi học sinh và điều kiện của nhà trường.

**3. Điểm yếu.**

Tài liệu tham khảo về giáo dục địa phương ở huyện Bình Sơn và xã Bình Chương còn hạn chế.

#### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.**

Tham mưu với địa phương cung cấp thêm tài liệu địa phương, cập nhật thông tin mới về địa phương.

#### **5. Tự đánh giá: Đạt mức 2**

<b>Mức 1</b>		<b>Mức 2</b>	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (Nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	-----	
c	Đạt	-----	
<b>Đạt</b>		<b>Đạt</b>	

#### **+ Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp**

##### **- Mức 1.**

a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường.

b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch.

c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

##### **- Mức 2.**

a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực.

b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

#### **1. Mô tả hiện trạng.**

##### **- Mức 1.**

a) Hằng năm nhà trường đều có kế hoạch tổ chức giảng dạy các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp. **[H5-5.4-01].**

b) Kế hoạch tổ chức thực hiện giảng dạy các nội dung hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp của nhà trường. **[H5-5.4-02].**

c) Biên bản các cuộc họp triển khai giảng dạy hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp **[H5-5.4-03].**

##### **- Mức 2.**



a) Thống kê số lượng và hình thức tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong từng học kì và cả năm học, có các tư liệu, hình ảnh có liên quan đến tổ chức thực hiện các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp của nhà trường. [H5-5.4-04], [H5-5.4-05].

b) Có biên bản rà soát, đánh giá về tổ chức thực hiện các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp của nhà trường. Có báo cáo sơ kết, tổng kết các hoạt động [H5-5.4-06], [H5-5.4-07].

## 2. Điểm mạnh.

Thường xuyên tổ chức sinh hoạt các câu lạc bộ, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, nhảy múa thể thao, trò chơi dân gian và sinh hoạt tập thể cho học sinh vào các ngày lễ lớn trong năm;

Nhà trường đã tổ chức hoạt động giáo dục trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Phối hợp với trường Trung cấp nghề dạy nghề cho các em; giáo viên dạy hướng nghiệp để định hướng nghề nghiệp giúp học sinh, xác định được việc học tập chương trình phổ thông hoặc học nghề sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở.

## 3. Điểm yếu.

Thành tích đạt được ở Hội thao các cấp chưa cao vì thời gian luyện tập của các em còn ít;

Còn thiếu kinh phí để tổ chức nhiều các hoạt động trải nghiệm cho học sinh.

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.

Ban thể dục thể thao kết hợp với các bộ phận chuyên môn bố trí thời gian luyện tập cho học sinh từ đầu năm học.

Nhà trường sẽ có kế hoạch để thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục và kêu gọi sự hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân để tạo thêm kinh phí phục vụ cho các hoạt động

## 5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Mức 1		Mức 2	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	-	-
<b>Đạt</b>		<b>Đạt</b>	

**+ Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh**

**- Mức 1.**

a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương.

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục.

c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

**- Mức 2.**

a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện.

b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.

**- Mức 3.**

Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.

**1. Mô tả hiện trạng.**

**- Mức 1.**

a) Kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương [H5-5.5-01].

b) Các hình ảnh, tư liệu liên quan [H5-5.5-02].

c) Thống kê số lượng học sinh loại hạnh kiểm Khá – Tốt từng năm [H5-5.5-03].

**- Mức 2.**

a) Biên bản sinh hoạt lớp [H1-1.5-05].

b) Các công trình đề tài nghiên cứu khoa học của học sinh để vận dụng kiến thức vào thực tiễn [H5-5.5-04].

**- Mức 3.**

Thành tích của học sinh trường trong các cuộc thi nghiên cứu khoa học, công nghệ, ứng dụng KHKT [H5-5.5-05].

**2. Điểm mạnh.**

- Xây dựng đầy đủ các kế hoạch định hướng giáo dục phù hợp điều kiện nhà trường, địa phương.

- Tổ chức các hoạt động (An toàn giao thông, phòng chống đuối nước, giáo dục sức khoẻ sinh sản vị thành niên).

- Tỷ lệ học sinh về xếp loại hạnh kiểm tốt, khá chiếm tỷ lệ cao, tỷ lệ hạnh kiểm TB giảm theo từng năm học.

- Học sinh tham gia hội thi khoa học kỹ thuật đạt kết quả.

### 3. Điểm yếu.

Cuộc thi khoa học kỹ thuật và liên môn chỉ tập trung một số em tham gia, chưa lan toả đến nhiều học sinh.

### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.

Cần phát động học sinh toàn trường tham gia các cuộc thi khoa học kỹ thuật và liên môn để các em tiếp cận bắt đầu từ năm học 2020-2021.

### 5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
<b>Đạt</b>		<b>Đạt</b>		<b>Đạt</b>	

#### + Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục

##### - Mức 1.

a) Kết quả học lực hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

c) Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

##### - Mức 2.

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

c) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh.

- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 20% đối với trường chuyên.

- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 25% đối với trường chuyên.

- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 30% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 55% đối với trường chuyên.

- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 25% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 60% đối với trường chuyên.

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vùng khó khăn; không quá 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém.

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: không quá 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém.

- Đối với nhà trường có lớp tiểu học: Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 95%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.

Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 98% đối với trường chuyên.

- Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban.

+ Vùng khó khăn: Không quá 3% học sinh bỏ học, không quá 5% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học

+ Các vùng còn lại: Không quá 1% học sinh bỏ học, không quá 2% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học

## **1. Mô tả hiện trạng.**

### **- Mức 1.**

a) Bảng thống kê xếp loại 2 mặt HL và HK của học sinh trường trong từng năm [H5-5.6-01].

b) Thống kê số lượng và tỷ lệ học sinh lên lớp hằng năm. Thống kê số lượng và tỷ lệ học sinh tốt nghiệp hằng năm. [H5-5.6-02], [H5-5.6-03].

c) Kế hoạch giáo dục hướng nghiệp phân luồng học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường. [H5-5.6-04].

- **Mức 2.**

a) Thống kê số lượng học sinh giỏi, khá từng năm. Thống kê số lượng học sinh loại yếu, kém từng năm. [H5-5.6-05], [H5-5.6-06].

b) Thống kê số lượng học sinh loại hạnh kiểm Khá – Tốt từng năm. [H5-5.5-03].

c) Thống kê số lượng và tỷ lệ học sinh lưu ban, bỏ học qua các năm. [H5-5.6-07].

**2. Điểm mạnh.**

Chất lượng học lực trên 95% trung bình trở lên, luôn là đơn vị đứng trong top đầu về HSG cấp huyện và tỉnh của nhóm THCS số 3, tỉ lệ học sinh thi đỗ vào lớp 10 công lập trên 90%. Chất lượng hạnh kiểm khá, tốt cao trên 98%.

Nhà trường có kế hoạch cải tiến chất lượng bằng những việc làm cụ thể như phân công giáo viên dạy phụ đạo học sinh yếu, bồi dưỡng học sinh giỏi nên chất lượng về học lực của nhà trường luôn đạt kế hoạch đề ra và có chuyển biến tích cực.

Có sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, giáo viên với phụ huynh học sinh và các tổ chức xã hội tại địa phương trong giáo dục học sinh nên tỉ lệ học sinh về xếp loại hạnh kiểm tốt, khá chiếm tỉ lệ cao, tỉ lệ hạnh kiểm trung bình giảm theo từng năm học.

**3. Điểm yếu:** Vẫn còn HS yếu. Vẫn có HS xếp loại hạnh kiểm trung bình.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.**

Phát hiện kịp thời những khó khăn trong học tập và sinh hoạt của học sinh để phối hợp với gia đình và địa phương có biện pháp giúp đỡ các em vượt qua để giảm tỉ lệ học sinh yếu kém hàng năm.

Với những học sinh cá biệt giáo viên chủ nhiệm phối hợp với giáo viên bộ môn dạy tại lớp mình và cùng với phụ huynh học sinh thường xuyên nhắc nhở, theo dõi việc học tập và sinh hoạt của các em để có biện pháp can thiệp kịp thời để hạn chế việc các em vi phạm nội quy, vi phạm pháp luật dẫn đến xếp loại hạnh kiểm yếu, trung bình.

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 2**

<b>Mức 1</b>	<b>Mức 2</b>
--------------	--------------

Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	c	Đạt
<b>Đạt</b>		<b>Đạt</b>	

**\* Kết luận về Tiêu chuẩn 5.**

Nhà trường luôn có kế hoạch tổ chức dạy học và các hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện của nhà trường và luôn đạt kết quả

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: **06/06.**
- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: **0.**
- Tiêu chuẩn 5: **Đạt mức 3..**

Tiêu chí	Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chí 5.1	Đạt	Đạt	Đạt
Tiêu chí 5.2	Đạt	Đạt	Đạt
Tiêu chí 5.3	Đạt	Đạt	
Tiêu chí 5.4	Đạt	Đạt	
Tiêu chí 5.5	Đạt	Đạt	Đạt
Tiêu chí 5.6	Đạt	Đạt	

## II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4

### 1. Mô tả hiện trạng.

Kế hoạch giáo dục của nhà trường chưa có những nội dung được tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới theo quy định, do điều kiện cơ sở vật chất trường lớp tại địa phương còn nhiều hạn chế.

100% cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan, tuy nhiên học sinh năng khiếu chưa được quan tâm đúng mức của nhà trường và các các tổ chức và cá nhân.

Có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn được cấp thẩm quyền ghi nhận tuy nhiên còn hạn chế rất nhiều về số lượng cũng như những vấn đề có liên quan đến thực tiễn tại địa phương.

Thư viện đã được công nhận thư viện chuẩn 01 tuy nhiên hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại chưa đảm bảo với tiêu chuẩn trong khu vực và quốc tế. Thư viện có kết nối Internet băng thông rộng, có mạng không dây, đáp ứng yêu

cầu các hoạt động của nhà trường; có nguồn tài liệu truyền thống và tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường.

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường chưa hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 01 năm có kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng (nhất cụm thi đua số 3), được UBND tỉnh công nhận tập thể lao động xuất sắc.

## **2. Điểm mạnh.**

Học sinh khó khăn luôn được sự quan tâm của các cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương, vì vậy 100% học sinh khó khăn đều hoàn thành mục tiêu giáo dục; thư viện đáp ứng tương đối tốt hoạt động của trường

## **3. Điểm yếu.**

Kế hoạch giáo dục của nhà trường chưa đáp ứng được chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới theo quy định. Học sinh ít đam mê nghiên cứu khoa học, ngân sách đầu tư giáo dục của địa phương còn hạn chế, hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại chưa được đầu tư đúng mức

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.**

Thường xuyên học tập, chọn lọc chương trình giáo dục của các nước tiên tiến phù hợp với địa phương nhằm nâng cao chất lượng giáo dục. Động viên, khuyến khích học sinh tham gia nghiên cứu khoa học công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn dưới sự chỉ dẫn của giáo viên.

Đẩy mạnh công tác xã hội hoá giáo dục trong việc nâng cấp hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại phù hợp với tiêu chuẩn trong khu vực.

Tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua 2 tốt nhằm giữ vững ngôi đầu bảng trong cụm thi đua số 3 cấp THCS.

## **5. Tự đánh giá: Không đạt**

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Khoản 1, Điều 22		X	
Khoản 2, Điều 22		X	
Khoản 3, Điều 22		X	
Khoản 4, Điều 22		X	
Khoản 5, Điều 22		X	
Khoản 6, Điều 22		X	

### **Phần III. KẾT LUẬN CHUNG**

Việc tự đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục là điều cần thiết của các trường học nhằm giúp cơ sở giáo dục xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn, để xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục nhằm không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng giáo dục. Theo chỉ đạo của Sở GD&ĐT Quảng Ngãi, Phòng GD&ĐT Bình Sơn, Trường TH&THCS Bình Chương tổ chức thực hiện tự đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục của trường theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo trên cơ sở đánh giá hiện trạng của trường kể từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023. Kết quả tự đánh giá của nhà trường như sau:

**- Mức 1:**

- + Số lượng tiêu chí đạt: 28/28 tiêu chí, đạt tỷ lệ 100%;
- + Số lượng tiêu chí không đạt: 0/28 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 0%;

**- Mức 2:**

- + Số lượng tiêu chí đạt: 28/28 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 100%;
- + Số lượng tiêu chí không đạt: 0/28 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 0%;

**- Mức 3:**

- + Số lượng tiêu chí đạt 9/20 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 45%;
- + Số lượng tiêu chí không đạt 11/20 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 55%;

**- Mức 4: (nếu có)**

- + Số lượng tiêu chí đạt: 0/28 tỷ lệ: 0 %;
- + Số lượng tiêu chí không đạt: 28/28, tỷ lệ: 100 %;

**- Mức đánh giá của trường về kiểm định chất lượng:** Đạt mức 2.

**- Mức đánh giá của trường về trường chuẩn quốc gia:** Đạt mức 1.

Trường TH&THCS xã Bình Chương đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 2.

**\* Nơi nhận:**

- Sở GD&ĐT;
- UBND huyện Bình Sơn;
- Phòng GD&ĐT huyện;
- Lưu: VT.

*Bình Chương, ngày 13 tháng 9 năm 2022*

**HIỆU TRƯỞNG**



**Lê Văn Huy**



**Phần IV: PHỤ LỤC****DANH MỤC MÃ MINH CHỨNG**

Số T T	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
<b>Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường</b>					
<b>Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường</b>					
1	[H1-1.1-01]	Văn bản phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	134/KH-TH&THCS ngày 02/10/2020	Trường TH&THCS Bình Chương	
2	[H1-1.1-02]	Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp về định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, của ngành.	01/NQ-ĐH ngày 19/06/2020 01/NQ-ĐH ngày 07/07/2015	Đảng ủy xã Bình Chương	
3	[H1-1.1-03]	Đường dẫn truy cập vào trang điện tử của trường hoặc cổng thông tin của Sở, Phòng có đăng tải nội dung chiến lược. <a href="http://c12binhchuongbs.quangngai.edu.vn">http://c12binhchuongbs.quangngai.edu.vn</a>	<a href="http://c12binhchuongbs.quangngai.edu.vn">http://c12binhchuongbs.quangngai.edu.vn</a>	Trường TH&THCS Bình Chương	
4	[H1-1.1-04]	Sở nghị quyết của nhà trường và Hội đồng trường.	65/NQ-HĐT ngày 08/09/2022 06/NQ-HĐT ngày 16/01/2022 129b/NQ-HĐT ngày 30/09/2021 14/NQ-HĐT ngày 30/01/2021 60/NQ-HĐT ngày 30/09/2020	Trường TH&THCS Bình Chương	
5	[H1-1.1-05]	Các văn bản của các cấp có thẩm quyền, hội đồng trường trong việc đánh giá, giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường.		Trường TH&THCS Bình Chương	
6	[H1-1.1-06]	Biên bản rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng chiến lược xây dựng và	Báo cáo sơ kết: 160/BC-TH&THCS ngày 31/12/2021	Trường TH&THCS	

Số T T	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
		phát triển.		Bình Chương	
7	[H1-1.1-07]	Văn bản rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển được cấp có thẩm quyền phê duyệt.		Trường TH&THCS Bình Chương	
<b>Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác</b>					
8	[H1-1.2-01] [H1-1.2-02] [H1-1.2-01]	Quyết định thành lập Hội đồng trường.  Quyết định hội đồng xét tốt nghiệp.  Quyết định thành lập Hội đồng thi đua, khen thưởng.  Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn.  Quyết định thành lập hội đồng khoa học.	379/QĐ-UBND ngày 25/03/2022 2385/QĐ-UBND ngày 22/9/2020 2867/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 669/QĐ-UBND ngày 27/05/2022 1679/QĐ-UBND ngày 19/05/2021 171/QĐ-UBND ngày 29/05/2019 67/QĐ-TH&THCS ngày 08/09/2022 19a/QĐ-TH&THCS ngày 01/09/2021 18a/QĐ-TH&THCS ngày 01/10/2020 27a/QĐ-TH& THCS ngày 01/10/2019 27a/QĐ-TH&THCS ngày 01/10/2018 68/QĐ-TH&THCS ngày 08/09/2022 16a/QĐ-TH&THCS ngày 01/09/2021 17/QĐ-TH&THCS ngày 01/09/2020 15/QĐ-TH&THCS ngày 15/07/2021 90/QĐ-TH và THCS ngày 20/10/2022 21a/QĐ-TH&THCS ngày 22/03/2022 102/QĐ-TH&THCS ngày 16/11/2020 73/ QĐ-TH&THCS ngày 16/09/2019	UBND huyện Bình Sơn  Trường TH&THCS Bình Chương	

Số T T	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
		<p>Kế hoạch hoạt động của Hội đồng trường.</p> <p>Kế hoạch hoạt động hội đồng thi đua khen thưởng.</p> <p>Kế hoạch hoạt động hội đồng tư vấn.</p> <p>Kế hoạch tự đánh giá.</p> <p>Kế hoạch tuyển sinh lớp 1.</p> <p>Kế hoạch tuyển sinh lớp 6.</p>	<p>05/KH-TH&amp;THCS ngày 30/03/2022</p> <p>01/KH-HĐT ngày 30/9/2020</p> <p>89/KH-TH&amp;THCS ngày 19/10/2022</p> <p>26/KH-TH&amp;THCS ngày 22/09/2021</p> <p>11/KH-TH&amp;THCS ngày 21/09/2020</p> <p>09/KH-TH&amp;THCS ngày 01/10/2019</p> <p>74/KH-TH&amp;THCS ngày 21/09/2022</p> <p>128/KH-TH&amp;THCS ngày 27/09/2021</p> <p>58/KH-TH&amp;THCS ngày 21/09/2020</p> <p>39/KH-TH&amp;THCS ngày 10/10/2019</p> <p>03a/KH-TH&amp;THCS ngày 10/01/2022</p> <p>43/KH-TH&amp;THCS ngày 30/06/2022</p> <p>47/KH-TH&amp;THCS ngày 30/06/2021</p> <p>51/KH-TH&amp;THCS ngày 30/06/2020</p> <p>31/KH-TH&amp;THCS ngày 10/04/2019</p> <p>29/KH-THCS ngày 10/04/2018</p>	<p>Trường TH&amp;THCS Bình Chương</p>	
		<p>Quyết định thành lập Hội đồng trường.</p> <p>Quyết định hội đồng xét tốt nghiệp.</p> <p>Quyết định thành lập Hội đồng thi đua, khen thưởng.</p>	<p>379/QĐ-UBND ngày 25/03/2022</p> <p>2385/QĐ-UBND ngày 22/9/2020</p> <p>2867/QĐ-UBND ngày 01/12/2016</p> <p>669/QĐ-UBND ngày 27/05/2022</p> <p>1679/QĐ-UBND ngày 19/05/2021</p> <p>171/QĐ-UBND ngày 29/05/2019</p> <p>67/QĐ-TH&amp;THCS ngày 08/09/2022</p> <p>19a/QĐ-TH&amp;THCS ngày 01/09/2021</p> <p>18a/QĐ-TH&amp;THCS ngày 01/10/2020</p> <p>27a/QĐ-TH&amp; THCS ngày 01/10/2019</p> <p>27a/QĐ-TH&amp;THCS ngày 01/10/2018</p> <p>68/QĐ-TH&amp;THCS ngày 08/09/2022</p> <p>16a/QĐ-TH&amp;THCS ngày 01/09/2021</p>	<p>UBND huyện Bình Sơn</p> <p>Trường TH&amp;THCS Bình Chương</p>	

Số T T	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
		Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn.  Quyết định thành lập hội đồng khoa học.	17/QĐ-TH&THCS ngày 01/09/2020 15/QĐ-TH&THCS ngày 15/07/2021 90/QĐ-TH và THCS ngày 20/10/2022 21a/QĐ-TH&THCS ngày 22/03/2022 102/QĐ-TH&THCS ngày 16/11/2020 73/ QĐ-TH&THCS ngày 16/09/2019		
9	[H1-1.2-02]	Kế hoạch hoạt động của Hội đồng trường.  Kế hoạch hoạt động hội đồng thi đua khen thưởng.  Kế hoạch hoạt động hội đồng tư vấn.  Kế hoạch tự đánh giá. Kế hoạch tuyển sinh lớp 1.  Kế hoạch tuyển sinh lớp 6.	05/KH-TH&THCS ngày 30/03/2022 01/KH-HĐT ngày 30/9/2020 89/KH-TH&THCS ngày 19/10/2022 26/KH-TH&THCS ngày 22/09/2021 11/KH-TH&THCS ngày 21/09/2020 09/KH-TH&THCS ngày 01/10/2019 74/KH-TH&THCS ngày 21/09/2022 128/KH-TH&THCS ngày 27/09/2021 58/KH-TH&THCS ngày 21/09/2020 39/KH-TH&THCS ngày 10/10/2019 03a/KH-TH&THCS ngày 10/01/2022 43/KH-TH&THCS ngày 30/06/2022 47/KH-TH&THCS ngày 30/06/2021 51/KH-TH&THCS ngày 30/06/2020 31/KH-TH&THCS ngày 10/04/2019 29/KH-THCS ngày 10/04/2018	Trường TH&THCS Bình Chương	
		- Kế hoạch hoạt động của các HĐ khác (TĐ-KT, Tư vấn, Tự đánh giá, Tuyển sinh, Khoa học);	Số 09/KH-TH &THCS ngày 22/9/2021 Số 11/KH-TH &THCS ngày 21/9/2020 Số 06/KH-TH &THCS ngày 01/10/2019	Trường TH&THCS Bình Chương	
10	[H1-1.2-03]	Nghị quyết của nhà trường, của Hội đồng trường;	65/NQ-HĐT ngày 08/09/2022 06/NQ-HĐT ngày 16/01/2022 129b/NQ-HĐT ngày 30/09/2021	Trường TH&THCS Bình Chương	

Số T T	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
			14/NQ-HĐT ngày 30/01/2021 60/NQ-HĐT ngày 30/09/2020		
11	[H1-1.2-04]	Quy chế hoạt động của Hội đồng trường;  Quy chế hoạt động của ban đại diện Cha mẹ học sinh  Quy chế phối hợp công đoàn và nhà trường	01/QC- HĐT ngày 30/03/2022 01/QC- HĐT ngày 30/09/2020 81/QC-TH&THCS ngày 26/09/2022 01/QC-TH&THCS ngày 20/09/2021 01/QC-TH&THCS ngày 10/09/2020 01/QC-THCS ngày 05/09/2019 01/QCPH-TH&THCS ngày 01/10/2022 01/QCPH-TH&THCS ngày 01/10/2021 01/QCPH-THCS ngày 05/09/2020 01/QCPH-THCS ngày 05/09/2019 01/QCPH-THCS ngày 05/09/2018	Trường TH&THCS Bình Chương	
12	[H1-1.2-05]	Biên bản họp của HĐ trường và của các HĐ khác.		Trường TH&THCS Bình Chương	
13	[H1-1.2-06]	Báo cáo kết quả của Hội đồng trường.  Báo cáo tổng kết thi đua khen thưởng.	03/BC-HĐT ngày 30/05/2022 02/BC-HĐT ngày 30/05/2021 44/BC-TH&THCS ngày 10/06/2022 58/BC-TH&THCS ngày 21/05/2021 67/BC-TH&THCS ngày 25/05/2020 62/BC-THCS ngày 30/06/2019	Trường TH&THCS Bình Chương	
<b>Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường</b>					
14	[H1-1.3-01]	Quyết định thành lập (chuẩn y) Công đoàn. Quyết định thành lập Chi đoàn giáo viên. Quyết định thành lập các tổ chức xã hội khác.	136/QĐ-LĐLĐ ngày 06/09/2019 06-QĐ/ĐTN ngày 27/09/2022 17-QĐ/ĐTN ngày 21/09/2021 24-QĐ/ĐTN ngày 30/09/2020 21-QĐ/ĐTN ngày 02/10/2019	Trường TH&THCS Bình Chương	
15	[H1-1.3-02]	Kế hoạch hoạt động đội.	01-CT/LĐBC ngày 20/09/2022	Trường	

Số T T	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
		Kế hoạch hoạt động chi đoàn.  Kế hoạch hoạt động công đoàn.	01-CTr/LĐTH&THCS ngày 15/10/2021 04-PH/LĐBC ngày 09/09/2020 02-KH/LĐBC ngày 09/09/2019 10/KHLT/CĐ-NT ngày 10/08/2022 10/ KHLT/CĐ-NT ngày 15/08/2021 10/KHLT/CĐ-NT ngày 10/08/2020 09/KHLT/CĐ-NT ngày 15/08/2019 11/KHLT/CĐ-NT ngày 15/08/2018 Từ năm 2018 đến năm 2023	TH&THCS Bình Chương	
16	[H1-1.3-03]	Quy chế phối hợp công đoàn và nhà trường.	01/QCPH-TH&THCS ngày 01/10/2022 01/QCPH-TH&THCS ngày 01/10/2021 01/QCPH-TH&THCS ngày 05/09/2020 01/QCPH-TH&THCS ngày 05/09/2019 01/QCPH-THCS ngày 05/09/2018	Trường TH&THCS Bình Chương	
17	[H1-1.3-04]	Báo cáo tổng kết công tác đoàn.  Báo cáo công tác đội.	01-BC/CĐ ngày 23/09/2022 01-BC/CĐ ngày 22/09/2021 01-BC/CĐ ngày 05/09/2020 01-BC/CĐ ngày 12/09/2019 03/BCLĐ-TH&THCS ngà 28/04/2022 04/BCLĐ-TH&THCS ngà 27/04/2021	Trường TH&THCS Bình Chương	
18	[H1-1.3-05]	Quyết định thành lập tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam của nhà trường; (Quyết định chuẩn y) Nghị quyết và các báo cáo của chi bộ, đảng bộ nhà trường;	78/QĐ-ĐU ngày 04/07/2022 136/QĐ-ĐU ngày 24/07/2019 01/NQ-TH&THCS ngày 30/06/2022 01/NQ- TH&THCS ngày 04/3/2020	Đảng ủy xã Bình Chương	
19	[H1-1.3-06]	Văn bản của cấp trên nhận xét đánh giá về hoạt động của tổ chức Đảng;	56-QĐ/ĐU ngày 14/12/2021 27-QĐ/ĐU ngày 07/12/2020 147-QĐ/ĐU ngày 09/01/2020 105-QĐ/ĐU ngày 14/12/2018	Đảng ủy xã Bình Chương	

Số T T	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
			72-QĐ/ĐU ngày 15/12/2017		
20	[H1-1.3-07]	Giấy chứng nhận, giấy khen tổ chức Đảng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ.	40-QĐ/ĐU ngày 26/04/2021 27-QĐ/ĐU ngày 07/12/2020 02-QĐ/ĐU ngày 15/07/2020 105-QĐ/ĐU ngày 14/12/2018 71-QĐ/ĐU ngày 18/12/2017	Đảng ủy xã Bình Chương	
21	[H1-1.3-08]	Hình ảnh mô hình học tập theo Bác		Trường TH&THCS Bình Chương	Hàng năm
<b>Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng</b>					
22	[H1-1.4-01]	Quyết định bổ nhiệm hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng hoặc Quyết định công nhận hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng;	2789/QĐ-UBND ngày 27/10/2015 1722/QĐ-UBND ngày 11/7/2019 2082/QĐ-UBND ngày 30/7/2019 1825/QĐ-UBND ngày 31/5/2021	UBND huyện Bình Sơn	
23	[H1-1.4-02]	Quyết định thành lập các tổ chuyên môn và tổ Văn phòng;	59a/QĐ-TH&THCS ngày 01/09/2022 59b/QĐ-TH&THCS ngày 01/09/2022 60/QĐ-TH&THCS ngày 01/09/2022 61/QĐ-TH&THCS ngày 01/09/2022 61a/QĐ-TH&THCS ngày 01/09/2022 80/QĐ-TH&THCS ngày 01/09/2021 81/QĐ-TH&THCS ngày 01/09/2021 82/QĐ-TH&THCS ngày 01/09/2021 83/QĐ-TH&THCS ngày 01/09/2021 84/QĐ-TH&THCS ngày 01/09/2021 02/QĐ-TH&THCS ngày 01/9/2020 05/QĐ-TH&THCS ngày 01/9/2020 07/QĐ-TH&THCS ngày 01/9/2020 10/QĐ-TH&THCS ngày 01/9/2020 14/QĐ-TH&THCS ngày 01/9/2020	Trường TH&THCS Bình Chương	

Số T T	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
			02/QĐ-TH&THCS ngày 01/9/2019 05/QĐ-TH&THCS ngày 01/9/2019 07/QĐ-TH &THCS ngày 01/9/2019 10/QĐ-TH&THCS ngày 01/9/2019 14/QĐ-TH&THCS ngày 01/9/2019 28/QĐ-THCS ngày 01/9/2018 37/QĐ-THCS ngày 01/9/2018 39/QĐ-THCS ngày 01/9/2018		
24	[H1-1.4-03]	Kế hoạch hoạt động của các tổ chuyên môn và tổ Văn phòng theo năm, tháng, tuần. Sổ ghi kế hoạch chuyên môn và nội dung các cuộc họp chuyên môn.		Trường TH&THCS Bình Chương	[H5-5.1-01]
25	[H1-1.4-04]	Các chuyên đề của tổ chuyên môn.		Trường TH&THCS Bình Chương	[H5-5.1-06]
26	[H1-1.4-05]	Biên bản kiểm kê tài liệu, thiết bị, tài sản, tài chính.  Hồ sơ tổ và của nhà trường.	Các quyết định: 161/QĐ-TH&THCS ngày 31/12/2021 159/QĐ-TH&THCS ngày 31/12/2020 87/QĐ-TH&THCS ngày 31/12/2020 84/QĐ-TH&THCS ngày 31/12/2020 55/QĐ- TH&THCS ngày 29/12/2019 17a/QĐ-TrTHCS ngày 29/12/2018	Trường TH&THCS Bình Chương	Lưu hằng năm
27	[H1-1.4-06]	Báo cáo sơ kết, tổng kết.	42a/BC-TH& THCS ngày 10/06/2022 08a/BC-TH&THCS ngày 19/01/2022 05a/TH&THCS ngày 11/07/2021 05b/TH&THCS ngày 13/01/2021	Trường TH&THCS Bình Chương	



Số T T	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
			53/KH-TH&THCS ngày 06/07/2020 103/THCS ngày 29/12/2019		
28	[H1-1.4-07]	Biên bản rà soát, đánh giá hoạt động của tổ chuyên môn, tổ Văn phòng.	Từ năm 2019-2020 đến năm 2021-2022	Trường TH&THCS Bình Chương	
29	[H1-1.4-08]	Biên bản của cấp có thẩm quyền có nội dung nói về đóng góp của tổ chuyên môn và tổ Văn phòng trong nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục của nhà trường.	Từ năm 2019-2020 đến năm 2021-2022	Trường TH&THCS Bình Chương	
30	[H1-1.4-09]	Bằng khen, giấy khen hoặc Quyết định của cấp có thẩm quyền về việc tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề, có tác dụng nâng cao chất lượng giáo dục.	24/QĐ-TH&THCS ngày 25/04/2022 34/QĐ-TH&THCS ngày 25/05/2022 35/QĐ-TH&THCS ngày 25/05/2022 36/QĐ-TH&THCS ngày 25/05/2022 30/QĐ-TH&THCS ngày 25/05/2021 37/QĐ- TH&THCS ngày 25/05/2021 31/QĐ-TH&THCS ngày 25/04/2020 37/QĐ-TH&THCS ngày 25/05/2020	Trường TH&THCS Bình Chương	
<b>Tiêu chí 1.5: Lớp học</b>					
31	[H1-1.5-01]	Sổ đăng bộ.	Lưu văn thư	Trường TH&THCS Bình Chương	Hàng năm
32	[H1-1.5-02]	Bản tổng hợp thông tin về các lớp theo từng năm học (họ tên GVCN, lớp trưởng, lớp phó, tổ trưởng, tổ phó).	Từ năm 2019-2020 đến năm 2022-2023	Trường TH&THCS Bình Chương	
33	[H1-1.5-03]	Biên bản họp bầu lớp trưởng, lớp phó, tổ trưởng, tổ phó.	Từ năm 2019-2020 đến năm 2022-2023	Trường TH&THCS Bình Chương	
34	[H1-1.5-04]	Sổ chủ nhiệm.		Giáo viên	Hàng

Số T T	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
				chủ nhiệm	năm
35	[H1-1.5-05]	Biên bản sinh hoạt lớp.		Giáo viên chủ nhiệm	Hàng năm
36	[H1-1.5-05]	Biên bản sinh hoạt lớp		Giáo viên chủ nhiệm	Hàng năm
37	[H1-1.5-07]	Thống kê tỉ lệ học sinh toàn trường, theo khối và từng lớp.	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	Trường TH&THCS Bình Chương	
<b>Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản</b>					
38	[H1-1.6-01]	Sổ quản lý và hồ sơ lưu trữ các văn bản, công văn đi, đến; Sổ quản lý tài sản, thiết bị giáo dục.	Lưu văn thư	Trường TH&THCS Bình Chương	Sổ quản lý tài sản, thiết bị giáo dục: [H4-3.1-05]
39	[H1-1.6-02]	Quy chế chi tiêu nội bộ của trường.	09a/QĐ- TH&THCS ngày 19/01/2022 09/QĐ- TH&THCS ngày 14/01/2021 02/QĐ-TH&THCS ngày 06/01/2020 14/QĐ-TH&THCS ngày 25/08/2019	Trường TH&THCS Bình Chương	
40	[H1-1.6-03]	Phần mềm quản lý quản lý hành chính, tài chính và tài sản của trường.		Trường TH&THCS Bình Chương	Kế toán
41	[H1-1.6-04]	Sổ quản lý tài chính.	Từ năm 2018 đến năm 2022	Trường TH&THCS Bình Chương	Kế toán
42	[H1-1.6-05]	Biên bản kiểm kê tài sản hàng năm.	Từ năm 2018 đến năm 2022	Trường TH&THCS Bình Chương	Kế toán
43	[H1-1.6-06]	Báo cáo sơ kết, tổng kết về công tác tài	Từ năm 2018 đến năm 2022	Trường	Kế toán

Số T T	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
		chính; báo cáo công khai tài chính hằng năm.		TH&THCS Bình Chương	
44	[H1-1.6-07]	Biên bản, thông báo, kết luận của các cấp có thẩm quyền về các vấn đề liên quan đến tài sản, tài chính.	Từ năm 2018 đến năm 2022	Trường TH&THCS Bình Chương	Kế toán
45	[H1-1.6-08]	Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp.	102/KH- TH&THCS ngày 25/10/2019	Trường TH&THCS Bình Chương	
<b>Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên</b>					
46	[H1-1.7-01]	Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên hàng năm.	102/KH-TH&THCS ngày 05/09/2020 83/KH-TH&THCS ngày 05/10/2020 97/KH-TH&THCS ngày 18/10/2019 72/KH-THCS ngày 23/10/2018	Trường TH&THCS Bình Chương	
47	[H1-1.7-02]	Bảng phân công nhiệm vụ cho CBGVNV hàng năm.	Từ năm 2019-2020 đến năm 2022-2023	Trường TH&THCS Bình Chương	
48	[H1-1.7-03]	Phân công lao động của các tổ chuyên môn; của tổ Văn phòng.	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	Trường TH&THCS Bình Chương	
49	[H1-1.7-04]	Biên bản Hội nghị CBCCVC hàng năm.	Từ năm 2019-2020 đến năm 2022-2023	Trường TH&THCS Bình Chương	
50	[H1-1.7-05]	Kế hoạch hoạt động của nhà trường.	79/KH-TH&THCS ngày 22/09/2022 14/KH-TH&THCS ngày 13/09/2021 19/KH-TH&THCS ngày 14/09/2020 26/KH-TH&THCS ngày 28/09/2019 81/KH-THCS ngày 24/09/2018	Trường TH&THCS Bình Chương	
51	[H1-1.7-06]	Hồ sơ kiểm tra, đánh giá GV, NV.		Trường TH&THCS	- Giáo viên:

Số T T	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
				Bình Chương	[H1-1.7-06] và [H2-2.2-03] - Nhân viên: [H2-2.3-03]
52	[H1-1.7-07]	Báo cáo tổng kết của công đoàn.	Từ năm 2018-2019 đến năm 2021-2022	Trường TH&THCS Bình Chương	
<b><i>Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục</i></b>					
53	[H1-1.8-01]	Kế hoạch giáo dục của nhà trường.	79/KH-TH&THCS ngày 22/09/2022 14/KH-TH&THCS ngày 13/09/2021 19/KH-TH&THCS ngày 14/9/2020 26/KH-TH&THCS ngày 28/09/2019 81/KH-THCS ngày 24/09/2018	Trường TH&THCS Bình Chương	
54	[H1-1.8-02]	Kế hoạch giáo dục của giáo viên.		Trường TH&THCS Bình Chương	[H5-5.1-04] Lưu hằng năm
55	[H1-1.8-03]	Biên bản kiểm tra, rà soát, đánh giá, điều chỉnh kế hoạch hoạt động giáo dục của nhà trường.	Từ năm 2019-2020 đến năm 2021-2022	Trường TH&THCS Bình Chương	
56	[H1-1.8-04]	Báo cáo sơ kết, tổng kết về công tác quản lý các hoạt động giáo dục của nhà trường.	04/BC-TH&THCS ngày 11/06/2022 10/BC-TH&THCS ngày 19/01/2022 35/BC-TH&THCS ngày 20/05/2021 15/BC- TH&THCS ngày 11/07/2020	Trường TH&THCS Bình Chương	

Số T T	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
			60/BC- THCS ngày 24/05/2019		
57	[H1-1.8-05]	Biên bản kiểm tra của cấp trên về các vấn đề liên quan.		Phòng GD&ĐT huyện Bình Sơn	
<b>Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở</b>					
58	[H1-1.9-01]	Quy chế dân chủ của nhà trường.	65/QĐ-TH& THCS ngày 08/09/2022 15/QĐ-TH&THCS ngày 20/9/2021 71/ QĐ-TH&THCS ngày 20/9/2020 11/QĐ-TH&THCS ngày 01/10/2019 53/QĐ-THCS ngày 20/9/2018	Trường TH&THCS Bình Chương	
59	[H1-1.9-02]	Nghị quyết Hội nghị CBCCVV.	Từ năm 2019-2020 đến năm 2022-2023	Trường TH&THCS Bình Chương	
60	[H1-1.9-03]	Báo cáo của Ban thanh tra nhân dân.	60a/BC-TH&THCS 05/09/2022 26/BC-BTTND ngày 06/11/2021 22/BC-BTTND ngày 05/9/2020 13/BC-BTTND ngày 05/09/2019 41/BC-BTTND ngày 01/11/2018	Trường TH&THCS Bình Chương	
61	[H1-1.9-04]	Báo cáo việc thực hiện Quy chế dân chủ của nhà trường.	44/BC-TH&THCS ngày 10/06/2022 28/BC-TH&THCS ngày 25/05/2021 72/BC-TH&THCS ngày 30/05/2020 32/BC-TH&THCS ngày 27/05/2019	Trường TH&THCS Bình Chương	
62	[H1-1.9-05]	Báo cáo của Công đoàn. Báo cáo của Ban Thanh tra nhân dân.	Từ năm 2018-2019 đến năm 2021-2022  60a/BC-TH&THCS 05/09/2022 26/BC-BTTND ngày 06/11/2021 22/BC-BTTND ngày 05/9/2020 13/BC-BTTND ngày 05/09/2019	Trường TH&THCS Bình Chương	Báo cáo tổng kết công đoàn: H1-1.7-07.

Số T T	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
			41/BC-BTTND ngày 01/11/2018		- Báo cáo của ban thanh tra nhân dân: H1-1.9-03.
63	[H1-1.9-06]	Bảng công khai các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện Quy chế dân chủ nhà trường.	Từ năm 2018-2019 đến năm 2022-2023	Trường TH&THCS Bình Chương	
<b>Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học</b>					
64	[H1-1.10-01]	Các phương án phòng chống các vấn đề có liên quan.	17/KH-TH&THCS ngày 05/09/2021 17/NQ-TH&THCS ngày 30/01/2021 17/KH-TH&THCS ngày 05/09/2020 16/KH-TH&THCS ngày 05/09/2019 31/KH-LĐ ngày 10/10/2019 07/KH-LĐ ngày 14/11/2018 24/KH-LĐ ngày 09/01/2021 27/KH-LĐ ngày 14/11/2020 04/KH-LĐ ngày 15/09/2019	Trường TH&THCS Bình Chương	
65	[H1-1.10-02]	Văn bản phối hợp với Công an có nội dung liên quan.	23/KH-CAX ngày 31/05/2022 01/KH-CAX ngày 18/01/2021 02/KH-CAX ngày 02/01/2020	Công an xã Bình Chương	
66	[H1-1.10-03]	Phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan.	01/KH-LT ngày 28/03/2019	Trường TH&THCS Bình Chương Công an xã Bình Chương	
67	[H1-1.10-04]	Số điện thoại của trường lãnh đạo nhà trường.			

Số T T	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
68	[H1-1.10-05]	Biên bản (thông báo) kết luận của cơ quan công an, chính quyền địa phương có liên quan.	1023/QĐ-UBND ngày 10/09/2022 220/QĐ-UBND ngày 28/09/2021 149/QĐ-UBND ngày 18/09/2020 119/QĐ-UBND ngày 01/10/2019	UBND xã Bình Chương Công an xã Bình Chương	
69	[H1-1.10-06]	Báo cáo sơ kết, tổng kết về an ninh trật tự, an toàn trường học.	83/BC-CAX ngày 21/06/2022 36/BC-TH&THCS ngày 16/09/2021 35/BC-TH&THCS ngày 16/09/2020	Trường TH&THCS Bình Chương Công an xã Bình Chương	
70	[H1-1.10-07]	Các hình ảnh tư liệu liên quan.		Trường TH&THCS Bình Chương	Hằng năm
Số T T	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
<b>Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh</b>					
<b>Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng</b>					
1	[H2-2.1-01]	Các loại bằng cấp, chứng chỉ về chuyên môn, quản lý, chính trị, tin học, ngoại ngữ, ... của HT, PHT;	Bằng TN ĐH và các chứng chỉ của HT, PHT		DS đính kèm
2	[H2-2.1-02]	Hồ sơ đánh giá xếp loại chuẩn; CCVC HT; Phó HT;	NH: 19-20; 20-21; 21-22		H2-2.1- 02
3	[H2-2.1-03]	Các quyết định bổ nhiệm của HT, PHT	NH: 21-22		H2-2.1- 03
4	[H2-2.1-04]	Chứng nhận, chứng chỉ chứng nhận đã qua các lớp BD chuyên môn, nghiệp vụ, chính trị của HT, Phó HT;	11/CN	Trường ĐH Phạm Văn Đồng	H2-2.1- 04

Số T T	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
5	[H2-2.1-05]	Bằng khen, giấy khen của HT, PHT (nếu có)	1729/QĐ-UBND/ 8/8/2017 2369/QĐ-UBND/ 11/8/2021	UBND huyện Bình Sơn	H2-2.1-05
<b>Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên</b>					
6	[H2-2.2-01]	Bảng phân công chuyên môn của trường;	NH: 19-20 ->21-22		H2-2.2-01
7	[H2-2.2-02]	Danh sách giáo viên có thông tin về trình độ đào tạo;			DS đính kèm
8	[H2-2.2-03]	DS GV đạt trình độ chuẩn	NH: 19-20; 20-21; 21-22		H2-2.2-03
9	[H2-2.2-04]	Bảng tổng hợp kết quả đánh giá, xếp loại GV hằng năm	NH: 19-20; 20-21; 21-22		H2-2.2-04
10	[H2-2.2-05]	Hồ sơ kiểm tra, đánh giá giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp			H2-2.2-05
11	[H2-2.2-06]	Danh sách giáo viên đạt trình độ trên chuẩn;			H2-2.2-06
12	[H2-2.2-07]	Đề tài nghiên cứu khoa học của giáo viên;			DS đính kèm
13	[H2-2.2-08]	Danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp huyện			DS đính kèm
14	[H2-2.2-09]	Danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh			DS đính kèm
15	[H2-2.2-10]	Bảng tổng hợp thành tích của giáo viên			DS đính kèm
<b>Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên</b>					
16	[H2-2.3-01]	Danh sách nhân viên có thông tin về trình độ đào tạo;			DS đính kèm
17	[H2-2.3-02]	Bảng phân công nhiệm vụ cho nhân viên hàng năm;			DS đính kèm



Số T T	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
18	[H2-2.3-03]	Hồ sơ kiểm tra đánh giá nhân viên; Bảng tổng hợp kết quả đánh giá, xếp loại nhân viên hằng năm;			DS đính kèm
19	[H2-2.3-04]	Chứng chỉ, chứng nhận nhân viên đã qua lớp BD, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ hoặc kết quả học tập tại các lớp BD, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ;	20001746	Trường Bồi dưỡng cán bộ tài chính	DS đính kèm
20	[H2-2.3-05]	Bằng khen, Giấy khen của các nhân viên (nếu có)	1801/	QĐ-UBND/ 14/8/2020	UBND huyện Bình Sơn
<b>Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh</b>					
21	[H2-2.4-01]	Sổ đăng bộ;		Lưu nhà trường	H5-1.5-01 (TC1.5)
22	[H2-2.4-02]	Hồ sơ tuyển sinh vào lớp 1 và lớp 6		Lưu nhà trường	H5-1.5-04 (TC1.5)
23	[H2-2.4-03]	Báo cáo sơ kết, tổng kết;	NH: 19-20 ->21-22		H2-2.4-03
24	[H2-2.4-04]	Bảng tổng hợp các thành tích về học tập, rèn luyện của học sinh.			H4-2.4-04
Số T T	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
<b>Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị</b>					
<b>Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập</b>					

Số T T	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
1	[H3-3.1-01]	- Giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất của nhà trường	T00028 QSDĐ/51/QĐ-UB, ngày 08/01/2002 T00086 QSDĐ/4776/QĐ-UB, ngày 12/12/2001 T00087QSDĐ/477/QĐ-UB, ngày 12/12/2001	UBND Tỉnh Quảng Ngãi	HT
2	[H3-3.1-02]	- Các báo cáo sơ kết, tổng kết	Từ NH 2018-2019 đến NH 2021-2022	Trường TH&THCS Bình Chương	
3	[H3-3.1-03]	- Hồ sơ thiết kế xây dựng nhà trường	15/08/2013	Trường TH&THCS xã Bình Chương.	KT
4	[H3-3.1-04]	- Các hình ảnh liên quan	-	Trường TH&THCS Bình Chương	TPT
5	[H3-3.1-05]	- Sổ quản lý tài sản, thiết bị giáo dục	-	Trường TH&THCS xã Bình Chương.	TB
<b><i>Tiêu chí: 3.2 Phòng học, phòng học bộ môn và khôi phục vụ học tập</i></b>					
6	[H3-3.1-02]	- Các báo cáo sơ kết tổng kết	Từ NH 2018-2019 đến NH 2021-2022	Trường TH&THCS Bình Chương	
7	[H3-3.1-03]	- Hồ sơ thiết kế xây dựng nhà trường	15/08/2013	Trường TH&THCS xã Bình Chương.	KT

Số T T	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
8	[H3-3.1-04]	- Các hình ảnh liên quan	-	Trường TH&THCS Bình Chương	TPT
9	[H3-3.1-05]	- Sổ quản lý tài sản, thiết bị giáo dục	-	Trường TH&THCS Bình Chương	Tiêu chí 3.1(KT)
10	[H3-3.2-01]	- Sơ đồ tổng thể của nhà trường	-	Trường TH&THCS Bình Chương	
11	[H3-3.2-02]	- Biên bản kiểm tra tài sản, CSVC	Ngày 31/12/2019, 32/12/2020, 31/12/2021	Trường TH&THCS Bình Chương	KT
<b><i>Tiêu chí: 3.3 Khối hành chính quản trị</i></b>					
12	[H3-3.1-03]	- Hồ sơ thiết kế xây dựng nhà trường		Trường TH&THCS Bình Chương	KT
13	[H3-3.1-04]	- Các hình ảnh liên quan		Trường TH&THCS Bình Chương	TPT
14	[H3-3.1-05]	- Sổ quản lý tài sản, thiết bị giáo dục		Trường TH&THCS Bình Chương	Tiêu chí 3.1 (TB)
15	[H3-3.2-01]	- Sơ đồ tổng thể của nhà trường		Trường TH&THCS Bình Chương	
16	[H3-3.2-02]	- Biên bản kiểm tra tài sản, CSVC	Ngày 31/12/2019, 32/12/2020, 31/12/2021	Trường TH&THCS Bình Chương	KT

Số T T	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
17	[H3-3.3-01]	- Kế hoạch sửa chữa bổ sung các thiết bị khối hành chính- quản trị		Trường TH&THCS Bình Chương	
<b>Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước</b>					
18	[H3-3.1-02]	- Báo cáo sơ kết tổng kết	Từ NH 2018-2019 đến NH 2021-2022	Trường TH&THCS xã Bình Chương.	-
19	[H3-3.1-04]	- Các hình ảnh liên quan		Trường TH&THCS xã Bình Chương.	TPT
20	[H3-3.1-05]	- Sổ quản lý tài sản, thiết bị giáo dục		Trường TH&THCS xã Bình Chương.	Tiêu chí 3.1 – (KT)
21	[H3-3.2-02]	- Biên bản kiểm tra tài sản	Ngày 31/12/2019, 32/12/2020, 31/12/2021	Trường TH&THCS xã Bình Chương.	KT
22	[H3-3.4-01]	- Hóa đơn thu tiền nước		Trường TH&THCS xã Bình Chương.	KT
<b>Tiêu chí 3.5: Thiết bị</b>					
23	[H3-3.5-01]	- Thống kê danh mục thiết bị, đồ dùng, đồ chơi của nhà trường		Trường TH&THCS xã Bình Chương.	KT

Số T T	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
24	[H3-3.5-02]	- Sổ quản lý tài sản, thiết bị giáo dục		Trường TH&THCS xã Bình Chương.	Tiêu chí 3.1
25	[H3-3.5-03]	- Sổ dự giờ, biên bản kiểm tra, đánh giá của hiệu trưởng, PHT, Tổ CM với các thành viên trong tổ		Trường TH&THCS xã Bình Chương.	Tiêu chuẩn 5
26	[H3-3.5-04]	- Biên bản kiểm tra của các cấp có thẩm quyền có nội dung liên quan		Phòng GD&ĐT	
27	[H3-3.5-05]	- Bảng thống kê các thiết bị được sửa chữa hàng năm		Trường TH&THCS xã Bình Chương.	TB
28	[H3-3.5-06]	- Hóa đơn hợp đồng mua đồ dùng thiết bị dạy học hàng năm		Trường TH&THCS xã Bình Chương.	KT
29	[H3-3.5-07]	- Biên bản kiểm kê tài sản	Ngày 31/12/2019, 31/12/2020, 31/12/2021	Trường TH&THCS xã Bình Chương.	KT
30	[H3-3.5-08]	- Hóa đơn sửa chữa các thiết bị		Trường TH&THCS xã Bình Chương.	KT
31	[H3-3.5-09]	- Hợp đồng kết nối mạng Internet	01/01/2021	Trường TH&THCS xã Bình	

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
				Chương.	
32	[H3-3.5-10]	- Hóa đơn thanh toán tiền Internet hàng tháng của nhà trường	T3/2021 đến nay	Trường TH&THCS xã Bình Chương.	KT
33	[H3-3.5-11]	- Thống kê danh mục thiết bị dạy học giáo viên tự làm	-	Trường TH&THCS xã Bình Chương.	TB
<b>Tiêu chí 3.6: Thư viện</b>					
34	[H3-3.6-01]	- Hồ sơ quản lý thư viện		Trường TH&THCS xã Bình Chương.	-
35	[H3-3.6-02]	- Sổ quản lý tài sản, thiết bị giáo dục		Trường TH&THCS xã Bình Chương.	Tiêu chí 3.1
36	[H3-3.6-03]	- Biên bản kiểm tra của các cơ quan chức năng có nội dung liên quan		Phòng GD&ĐT	-
37	[H3-3.6-04]	- Quyết định công nhận thư viện trường học tiên tiến	QĐ số 2230/QĐ-SGDĐT ngày 25/12/2017	Sở GD&ĐT	-
38	[H3-3.6-05]	- Báo cáo sơ kết, tổng kết	Các năm	Trường TH&THCS xã Bình Chương.	-
Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực	Ghi chú

Số T T	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
			vấn, quan sát,...	hiện	
<b>Tiêu chuẩn 4. Quan hệ nhà trường, gia đình và xã hội</b>					
<b>Tiêu chí 4.1. Ban đại diện cha mẹ học sinh</b>					
1	[H4-4.1- 01]	- Biên bản họp giữa Ban đại diện cha mẹ học sinh với Nhà trường. - Biên bản họp cha mẹ học sinh từng lớp.	Hàng năm, từ năm học: 2019-2020 đến 2022-2023	Trường TH&THCS xã Bình Chương	
2	[H4-4.1- 02]	- Danh sách ĐDCMHS hàng năm - Quy chế hoạt động của Ban đại diện CMHS - Quy chế phối hợp và hoạt động giữ nhà trường và Ban đại diện CMHS;	Hàng năm, từ năm học: 2019-2020 đến 2022-2023	Trường TH&THCS xã Bình Chương.	
3	[H4-4.1- 03]	Kế hoạch hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh.	Hàng năm, từ năm học: 2019-2020 đến 2022-2023	Ban ĐDCMHS	
4	[H4-4.1- 04]	Báo cáo về hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh;	Hàng năm, từ năm học: 2019-2020 đến 2022-2023	Ban ĐDCMHS	
5	[H4-4.1- 05]	Danh sách các cá nhân, tổ chức hỗ trợ tài chính, cơ sở vật chất,...	Hàng năm, từ năm học: 2019-2020 đến 2022-2023	CSVC	
<b>Tiêu chí 4.2. Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của Nhà trường</b>					
6	[H4-4.2-01]	Các văn bản tham mưu của nhà trường với cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục	- Số 40 /TTr-TH&THCS ngày 15 tháng 09 năm 2019 - Số 43a /TTr-TH&THCS	Trường TH&THCS xã Bình Chương	

Số T T	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
			ngày 15 tháng 10 năm 2019 Số 57 /TTr-TH&THCS ngày 09 tháng 11 năm 2019 Số 43 /TTr-TH&THCS ngày 01 tháng 03 năm 2020 Số: 44a /TTr-TH&THCS ngày 01 tháng 03 năm 2020 Số: 56a /TTr-TH&THCS Ngày 02 tháng 06 năm 2020 Số: 36a /TTr-TH&THCS Ngày 10 tháng 03 năm 2021 Số: 42a /TTr-TH&THCS Ngày 14 tháng 06 năm 20201 Số: 37a/TTr-TH&THCS ngày 12 tháng 01 năm 2022 Số: 45a/TTr-TH&THCS ngày 09 tháng 5 năm 2022 Số: 50 /TTr-TH&THCS ngày 14 tháng 6 năm 2022 Số:54a/TTr-TH&THCS ngày 15 tháng 7 năm 2022 Số 67/TH&THCS Ngày 10 tháng 8 năm 2022		
7	[H4-4.2- 02]	- Các báo cáo của các tổ chức và nhà trường về công tác phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho	Hàng năm, từ năm học: 2019-2020 đến 2022-2023	Công an, Hội LHPN, Hội LHTN, Đoàn TN trường TH&THCS xã Bình Chương, Ban ĐDHPHHS	



Số T T	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
		học sinh;			
8	[H4-4.2- 03]	Các văn bản của cấp có thẩm quyền công nhận nhà trường đạt danh hiệu đơn vị văn hóa.	Số 3591/QĐ-UBND Ngày 18 tháng 12 năm 2019 Số 3224/QĐ-UBND Ngày 30 tháng 12 năm 2020 Số 11/QĐ-UBND Ngày 06 tháng 01 năm 2022	UBND huyện Bình Sơn	
9	[H4-4.2- 04]	Kế hoạch tuyên truyền sức khỏe sinh sản vị thành niên.	Hàng năm, từ năm học: 2019-2020 đến 2022-2023	Tổ tư vấn tâm lí Trường TH&THCS xã Bình Chương	
10	H4-4.2- 05]	Các hình ảnh, tư liệu về hoạt động lễ hội, sự kiện... được tổ chức tại nhà trường.	Hàng năm, từ năm học: 2019-2020 đến 2022-2023	TPT Đội	
T T	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
<b>Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục</b>					
<b>Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông</b>					
1	[H5-5.1-01]	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch hoạt động của nhà trường, các tổ chuyên môn và tổ văn phòng.</li> <li>- Sổ ghi kế hoạch chuyên môn và nội dung các cuộc họp chuyên môn;</li> <li>- <i>Kế hoạch hoạt động năm học, học kỳ của Hiệu trưởng,</i></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 60a/KH-TH&amp;THCS 05/09/2022</li> <li>- 79/KH-TH&amp;THCS 13/09/2021</li> <li>- 62/KH-TH&amp;THCS 14/09/ 2020</li> <li>- 26/KH- TH &amp;THCS 28/09/2019</li> <li>- 74/KH-THCS 24/09/2018</li> <li>- 63a/KH-CM-THCS 07/09/2022</li> <li>- 97a/KH-TH&amp;THCS 10/09/2021</li> <li>- 82/KH-TH&amp;THCS 29/09/2019</li> <li>- 72a/KH-THCS 25/09/2018</li> </ul>	Trường TH&THCS Bình Chương TTCM	

Số T T	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
2	[H5-5.1-02]	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sổ ghi kế hoạch giảng dạy và ghi chép sinh hoạt chuyên môn, dự giờ, thăm lớp;</li> <li>- Kế hoạch chuyên môn của Phó Hiệu trưởng, kế hoạch tổ CM</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 60b/KH-TH&amp;THCS 05/09/2022</li> <li>- 97a/KH-TH&amp;THCS 15/09/2021</li> <li>- 92/KH-TH&amp;THCS 16/09/ 2020</li> <li>- 54/KH- TH &amp;THCS 30/09/2019</li> </ul>	Trường TH&THCS Bình Chương	
3	[H5-5.1-03]	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biên bản họp của các tổ chức trong nhà trường có nội dung rà soát, đánh giá việc thực hiện chương trình</li> <li>- <i>Kế hoạch chuyên đề của tổ chuyên môn</i></li> </ul>	NH: 19-20 -> 21- 22	Trường TH&THCS Bình Chương	
4	[H5-5.1-04]	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương trình giáo dục của nhà trường đã được điều chỉnh</li> <li>- <i>Hồ sơ 3 công khai (TT09, TT36)</i></li> </ul>	NH: 19-20 -> 22- 23	Trường TH&THCS Bình Chương	
5	[H5-5.1-05]	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch kiểm tra đánh giá định kì học kì</li> <li>- <i>Kế hoạch dạy 2 buổi/ngày</i></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 30/KH-TH&amp;THCS 31/10/2022</li> <li>- 30/KH-TH&amp;THCS 10/05/2022</li> <li>- 22a/KH-TH&amp;THCS 04/04/2022</li> <li>- 149a/KH-TH&amp;THCS 22/12/2021</li> <li>- 142/KH-TH&amp;THCS 12/11/2021</li> <li>- 21a/KH-TH&amp;THCS 13/03/2021</li> <li>- 67/KH-TH&amp;THCS 23/12/2020</li> <li>- 78/KH-THCS 7/6/2020</li> <li>- 68/QĐ-THCS 21/12/2019</li> <li>- 41b/KH-TH&amp;THCS 09/05/2022</li> <li>- 65/KH-TH&amp;THCS 27/12/2021</li> <li>- 58/KH-TH&amp;THCS 04/05/2021</li> <li>- 77/KH-TH&amp;THCS 17/12/2020</li> <li>- 41b/KH-TH&amp;THCS 9/05/2019</li> </ul>	Trường TH&THCS Bình Chương	
6	[H5-5.1-06]	Các chuyên đề báo cáo, sáng kiến kinh	NH: 19-20 -> 22- 23	Trường	

Số T T	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
		nghiệm		TH&THCS Bình Chương	
7	[H5-5.1-07]	Các bằng khen, giấy khen, dành cho GV, HS năng khiếu	NH: 19-20 -> 21- 22	Trường TH&THCS Bình Chương	
8	[H5-5.1-08]	Sổ nghị quyết của nhà trường và của hội đồng trường	NH: 19-20 -> 22- 23	Trường TH&THCS Bình Chương	
9	[H5-5.1-09]	Báo cáo sơ kết, tổng kết	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 45a/BC-TH&amp;THCS 11/06/2022</li> <li>- 49/BC-TH&amp;THCS 21/05/2021</li> <li>- 38/BC-TH&amp;THCS 11/07/2020</li> <li>- 53/BC-THCS 24/05/2019</li> <li>- *42a/BC-TH&amp;THCS 10/06/2022</li> <li>- 08a/BC-TH&amp;THCS 19/01/2022</li> <li>- 05a/BC-TH&amp;THCS 11/07/2021</li> <li>- 05b/BC-TH&amp;THCS 13/1/2021</li> <li>- 53/BC-TH&amp;THCS 06/07/2020</li> <li>- 103/THCS 20/12/2019</li> </ul>	Trường TH&THCS Bình Chương	
10	[H5-5.1-10]	- Bảng tổng hợp kết quả giáo dục của học sinh	- 85/KH-TH&THCS 3/10/22	Trường TH&THCS Bình Chương	
<b><i>Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện</i></b>					
11	[H5-5.2-01]	- Kế hoạch tổ chức thực hiện hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh gặp khó khăn trong học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 80/KH - TH&amp;THCS ngày 22/9/2022</li> <li>- 98/KH- TH&amp;THCS ngày 13/9/2021;</li> <li>- 102/KH-TH&amp;THCS ngày 16/09/2021</li> </ul>	Trường TH&THCS Bình Chương	

Số T T	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
		tập và rèn luyện. - <i>Bài kiểm tra của học sinh</i>	- 17/KH- TH&THCS ngày 18/9/2020; - 87/KH- TH&THCS ngày 18/9/2019;		
12	[H5-5.2-02]	- Kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh có năng khiếu - <i>Thời khóa biểu các năm học</i>	- 65/ KH-TH&THCS ngày 08/09/2022 - 132/ KH-TH&THCS ngày 10/10/2021 - 71a/ KH-TH&THCS ngày 15/10/2020	Trường TH&THCS Bình Chương	
13	[H5-5.2-03]	- Kế hoạch hội thao - <i>KHDH của GV</i>	NH: 19-20 -> 22- 23	Trường TH&THCS Bình Chương	
14	[H5-5.1-06]. [H1.1.5-06] [H5-5.2-04]	- Các báo cáo chuyên đề, sáng kiến kinh nghiệm liên quan đến giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện; - <i>Sổ theo dõi, đánh giá học sinh</i> - <i>Hồ sơ thi đua khen thưởng hàng năm; giấy khen, giấy chứng nhận CSTĐ của GV hàng năm</i>	NH: 19-20 -> 22- 23	Trường TH&THCS Bình Chương	<b>(tiêu chuẩn 5)</b>
15	[H5-5.2-05]	- <i>Kế hoạch BDHS năng khiếu</i>	- 85/KH- TH&THCS ngày 3/10/2022; - 101KH-TH&THCS ngày 20/09/2021; - 83/KH-TH&THCS ngày 15/09/2020; - 68/KH- TH&THCS ngày 18/9/2019	Trường TH&THCS Bình Chương	<b>(tiêu chuẩn 1)</b>

Số T T	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
16	[H5-5.1-07] [H5-5.2-06]	- Các Bằng khen, Giấy khen dành cho GV, HS năng khiếu; - Hồ sơ phụ đạo học sinh chậm tiến bộ( kế hoạch, quyết định, DS trước và sau)	- 73/KH- TH&THCS ngày 18/09/2022; 83/KH- TH&THCS ngày 20/09/2021; - 83/KH- TH&THCS ngày 20/09/2020; 62/KH - TH&THCS ngày 18/09/2019	Trường TH&THCS Bình Chương	(tiêu chuẩn 5)
17	[ H2-2.4-04 ] [H5-5.2-07]	- Kết quả thi HSG văn hóa, thể thao, văn nghệ cấp huyện, văn nghệ cấp tỉnh - Hồ sơ khen thưởng học sinh được khen thưởng hàng năm	NH: 19-20 -> 21- 22	Trường TH&THCS Bình Chương	(tiêu chuẩn 2)
18	HS [H2-2.4-04] [H5-5.1-07]	- Các hình thức khen thưởng dành cho GV, HS về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền công nhận	NH: 19-20 -> 21- 22	Trường TH&THCS Bình Chương	(tiêu chuẩn 2,5)
19					(tiêu chuẩn 5)
<b>Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định</b>					
20	[H5-5.3-01]	- Kế hoạch thực hiện các nội dung giáo dục địa phương - Kế hoạch hoạt động ngoài giờ lên lớp	- 62/KH-TH&THCS ngày 05/9/2019 - 67/KH -TH&THCS ngày 15/9/2020 - 101/KH-TH&THCS ngày 16/9/2021 - 72/KH-TH&THCS ngày 05/9/2019 - 84/KH-TH&THCS ngày 10/9/2020 - 97a/KH-TH&THCS ngày 05/9/2020 - 78a/KH-TH&THCS ngày 10/9/2022	Trường TH&THCS Bình Chương	
21	[H5-5.3-02]	- Kế hoạch dạy học theo chương trình giáo dục địa phương - Hồ sơ các hội thi hằng năm	- 65/KH-TH&THCS ngày 11/11/2020 - 22a/KH-TH&THCS ngày 15/4/2022 - 41a/KH-TH&THCS ngày 01/11/2021	Trường TH&THCS Bình	

Số T T	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
			- 97/KH-TH&THCS ngày 15/10/2020	Chương	
22	[H5-5.3-03]	- Đề kiểm tra, đáp án, biểu điểm và bài kiểm tra có nội dung giáo dục địa phương đã được chấm điểm - Hình ảnh các hoạt động ngoài giờ lên lớp	NH: 19-20 -> 22- 23	Trường TH&THCS Bình Chương	
23	[H5-5.3-04]	- Báo cáo sơ kết, tổng kết các hoạt động	NH: 19-20 -> 22- 23	Trường TH&THCS Bình Chương	
24	[H5-5.3-05]	- Tài liệu giáo dục địa phương	NH: 19-20 -> 22- 23	Trường TH&THCS Bình Chương	
25	[H5-5.3-06]	Biên bản đánh giá, rà soát và đề xuất của trường của các tổ chuyên môn liên quan đến các nội dung giáo dục địa phương	NH: 19-20 -> 22- 23	Trường TH&THCS Bình Chương	
<b>Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp</b>					
26	[H5-5.4-01]	- Kế hoạch dạy học hướng nghiệp của nhà trường - Hồ sơ tuyển sinh lớp 1 hàng năm	- 89/KH-TH&THCS ngày 05/0/2019 - 170/KH-TH&THCS ngày 05/9/2020 - 98/KH-TH&THCS ngày 13/9/2021 - 64/KH-TH&THCS ngày 07/9/2022	Trường TH&THCS Bình Chương	
27	[H5-5.4-02]	- Kế hoạch hoạt động trải nghiệm sáng tạo của nhà trường - Danh sách HS HT CTTH	- 72/KH-TH&THCS ngày 25/9/2019 - 84/KH-TH&THCS ngày 25/9/2020 - 129/KH-TH&THCS ngày 25/9/2021	Trường TH&THCS Bình Chương	

Số T T	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
			- 76/KH-TH&THCS ngày 25/9/2022		
28	[H5-5.4-03]	- Biên bản các cuộc họp triển khai giảng dạy hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp - Hồ sơ phổ cập giáo dục; Sổ theo dõi phổ cập	NH: 19-20 -> 22- 23	Trường TH&THCS Bình Chương	
29	[H5-5.4-04]	Bản phân công CBGVNV tham gia hoạt động trải nghiệm	NH: 19-20 -> 22- 23		
30	[H5-5.4-05]	Các tư liệu, hình ảnh có liên quan đến tổ chức thực hiện các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp của nhà trường	NH: 19-20 -> 21- 22	Trường TH&THCS Bình Chương	
31	[H5-5.4-06]	Biên bản rà soát, đánh giá về tổ chức thực hiện các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp của nhà trường	NH: 19-20 -> 22- 23	Trường TH&THCS Bình Chương	
32	[H5-5.4-07]	Báo cáo sơ kết, tổng kết các hoạt động	NH: 19-20 -> 21- 22	Trường TH&THCS Bình Chương	
<b>Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh</b>					
33	[H5-5.5-01]	Kế hoạch giáo dục kỹ năng sống cho học sinh	NH: 19-20 -> 22- 23	Trường TH&THCS Bình Chương	
34	[H5-5.5-02]	Nội dung, hình ảnh của các buổi tuyên truyền giáo dục kỹ năng sống.	NH: 19-20 -> 21- 22	Giáo viên chủ nhiệm	
35	H5-5.5-03]	Thống kê số lượng học sinh loại hạnh kiểm Khá – Tốt từng năm	NH: 19-20 -> 21- 22	Giáo viên chủ nhiệm	
36	[H5-5.5-04]	Các công trình đề tài nghiên cứu khoa học của học sinh để vận dụng kiến thức vào thực tiễn	NH: 19-20 -> 21- 22	Giáo viên chủ nhiệm	

Số T T	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
37	[H5-5.5-05]	Thành tích của học sinh trường trong các cuộc thi nghiên cứu khoa học, công nghệ, ứng dụng KHKT	NH: 19-20 -> 21- 22	Giáo viên chủ nhiệm	
<b>Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục</b>					
38	[H5-5.6-01]	Bảng thống kê xếp loại 2 mặt HL và HK của học sinh trường trong từng năm	NH: 19-20 -> 21- 22	Trường TH&THCS Bình Chương	
39	[H5-5.6-02]	Thống kê số lượng và tỷ lệ học sinh lên lớp hằng năm	NH: 19-20 -> 21- 22	Trường TH&THCS Bình Chương	
40	[H5-5.6-03]	Thống kê số lượng và tỷ lệ học sinh tốt nghiệp hằng năm	NH: 19-20 -> 21- 22	Trường TH&THCS Bình Chương	
41	[H5-5.6-04]	Kế hoạch giáo dục hướng nghiệp phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.	NH: 19-20 -> 21- 22	Trường TH&THCS Bình Chương	
42	[H5-5.6-05]	Thống kê số lượng học sinh giỏi, khá từng năm	NH: 19-20 -> 21- 22	Trường TH&THCS Bình Chương	
43	[H5-5.5-06]	Thống kê số lượng học sinh loại yếu, kém từng năm	NH: 19-20 -> 21- 22	Trường TH&THCS Bình Chương	
44	[H5-5.5-03]	Thống kê số lượng học sinh loại hạnh kiểm Khá – Tốt từng năm	NH: 19-20 -> 21- 22	Trường TH&THCS Bình Chương	
45	[H5-5.6-07]	Thống kê số lượng và tỷ lệ học sinh lưu ban, bỏ học qua các năm	NH: 19-20 -> 21- 22	Trường TH&THCS Bình Chương	